

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**(Áp dụng cho khóa tuyển sinh 2019)**

**Ngành: Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch)**

**Tên tiếng Anh: Geography (Tourism Geography)**

**Mã số: 7310501**

**Khối ngành: Cử nhân**

**Trình độ: Đại học**

**Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung**

*Đà Nẵng, 2019*

# MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	iii
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	5
1.3. Triết lý giáo dục .....	6
1.4. Mục tiêu đào tạo .....	6
1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp .....	7
1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp .....	7
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	9
2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT .....	9
2.2 Sự tương thích giữa CĐR CTĐT 2019 so với khung năng lực trình độ quốc gia .....	11
PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....	14
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học .....	14
3.2. Khung chương trình dạy học .....	14
3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo .....	16
3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá .....	18
PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN .....	48
4.1. Chuẩn đầu ra của học phần .....	48
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần .....	72
PHẦN VI: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	85

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CDR	: Chuẩn đầu ra
CT	: Chương trình
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐHL	: Địa lí học
ĐH	: Đại học
ĐHĐN	: Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	: Đại học Sư phạm
GDDH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVHD	: Giảng viên hướng dẫn
HP	: Học phần
MT	: Mục tiêu
PI	: Chỉ số năng lực (performance indicators)
PLO	: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
SV	: Sinh viên
SVTN	: Sinh viên tốt nghiệp
TC	: Tín chỉ
TLTK	: Tài liệu tham khảo

# **Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo (CTĐT) Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 963/QĐ-ĐHSP ngày 31/07/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Địa lí học (tiếng Anh: Geography), là ngành đào tạo cử nhân khoa học hướng đến mục tiêu đào tạo sinh viên có đầy đủ kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, có khả năng học lên các bậc học cao hơn.

Chương trình được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến qua các giai đoạn theo hướng ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của Nhà trường. Để tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể học cùng lúc hai CTĐT liên ngành theo chủ trương của ĐHQĐ, nội dung CTĐT ĐLH của các khóa tuyển sinh 2013 và 2014 đã được điều chỉnh phù hợp với các CTĐT khác, giảm tải các học phần (HP) của khối kiến thức chung không phù hợp. Năm 2015, CTĐT ĐLH tiếp tục được điều chỉnh và cải tiến vào theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc giảm thời lượng các học phần lí thuyết, tăng cường thời lượng các HP thực hành trong khối kiến thức chuyên ngành. Ngoài ra, năng lực Tiếng Anh và Tin học của sinh viên tốt nghiệp được cụ thể hóa bằng yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra Tin học và Tiếng Anh trình độ B1 của Bộ GD&ĐT. Khối lượng kiến thức đại cương tiếp tục được giảm tải xuống còn đối với khóa tuyển sinh 2017 theo chủ trương của Nhà trường; trong khi đó, khối lượng kiến thức cơ sở và chuyên ngành tăng lên. Nội dung và một số HP mới được cập nhật đảm bảo tính cập nhật kiến thức và liên kết giữa các ngành đào tạo của Địa lí.

Năm 2019, căn cứ vào kế hoạch của Trường ĐHSP - ĐHQĐ, CTĐT Địa lí học khóa tuyển sinh 2019 tiếp tục được rà soát và cập nhật. Điểm mạnh của CTĐT ĐLH 2019 là việc cụ thể hóa các PLO bằng các chỉ tiêu đánh giá năng lực có tính đo lường được. So với các CTĐT trước đó, tổng số TC tích lũy tối thiểu đáp ứng yêu cầu hoàn thành CTĐT ĐLH của khóa tuyển sinh 2019 cũng được giảm xuống còn 130 TC; nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các HP cũng được cập nhật và cải tiến để giúp SV có thể đạt được các PLO đã được công bố.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Địa lí học (Chuyên ngành: Địa lí du lịch)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Geography (Major: Tourism geography)
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7310501
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	130 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình, đạt chứng chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng, ngoại ngữ, tin học
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.</li> <li>- Làm việc cho các dự án, các tổ chức phi chính phủ, các khu bảo tồn liên quan đến lĩnh vực quy hoạch và phát triển du lịch.</li> <li>- Giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, làm chuyên viên tại các viện nghiên cứu liên quan đến Địa lí và du lịch.</li> <li>- Làm cán bộ chuyên trách tại các Sở, ban ngành liên quan đến công tác du lịch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.</li> <li>- Làm giáo viên Địa lí tại các trường phổ thông (sau khi tích lũy chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)</li> </ul>
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	Có thể học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc ngành gần
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Trường ĐH KHXH&amp;NV TPHCM)</li> <li>- Ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) trường Đại học Sư Phạm TP HCM</li> </ul>

### 1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSP - ĐHĐN là *Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp*, cụ thể:

- *Toàn diện*: Người học được đào tạo, bồi dưỡng có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mĩ; đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- *Khai phóng*: Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, hình thành những kỹ năng cần thiết để vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau; đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

- *Sáng tạo*: Người học phát triển tư duy độc lập, sáng tạo; làm cơ sở để tạo ra những sáng kiến, cải tiến và phát minh khoa học trong nghiên cứu, dạy học và công việc.

- *Thực nghiệp*: Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học đi đôi với hành, những kiến thức tiếp nhận từ nhà trường được vận dụng hiệu quả, linh hoạt vào hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

### 1.4. Mục tiêu đào tạo

#### 1.4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của CTĐT ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch), Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là đào tạo sinh viên có đầy đủ kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, có khả năng học lên các bậc học cao hơn.

#### 1.4.2 Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo sinh viên tốt nghiệp trình độ Cử nhân ngành Địa lí học (chuyên ngành Địa lí du lịch) có:

**PO1:** Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

**PO2:** Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở của ngành: cơ sở địa lý tự nhiên, cơ sở địa lý kinh tế - xã hội, địa lý Việt Nam, địa lý thế giới...

**PO3:** Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực Địa lý du lịch.

**PO4:** Có trình độ tiếng Anh theo qui định hiện hành; có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan.

**PO5:** Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.

**PO6:** Có khả năng làm việc tại các Sở, ban ngành về du lịch, các công ty, trung tâm, các dự án liên quan đến lĩnh vực địa lí và du lịch.

### **1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi hoàn thành CTĐT Sư phạm Địa lí, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.
- Làm việc cho các dự án, các tổ chức phi chính phủ, các khu bảo tồn liên quan đến lĩnh vực quy hoạch và phát triển du lịch.
- Giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, làm chuyên viên tại các viện nghiên cứu liên quan đến Địa lí và du lịch.
- Làm cán bộ chuyên trách tại các Sở, ban ngành liên quan đến công tác du lịch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
- Làm giáo viên Địa lí tại các trường phổ thông (sau khi tích lũy chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)
- Có thể học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc ngành gần.

### **1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

#### **1.6.1. Điều kiện nhập học**

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của ĐHQĐ và Trường ĐHS - ĐHQĐ. Chi tiết về thông tin tuyển sinh và điều kiện nhập học được đăng trên website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn/> và <http://ued.udn.vn/>.

#### **1.6.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

CTĐT được thực hiện với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT), và các quy định bổ sung của ĐHQĐ và Trường ĐHS - ĐHQĐ. Một số thông tin cơ bản như sau:

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, Nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ (học kì hè) để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi.

- Để được công nhận tốt nghiệp SV phải đạt CĐR Tin học theo quy định về CĐR Tin học của Trường ĐHSP-ĐHĐN (ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm). Thông tin chi tiết được đăng tải tại địa chỉ: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262.12>

- Đối với những SV học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt CĐR tương đương cấp độ B1 – Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages – CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại: <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>.

- Khối lượng tín chỉ tích lũy tối thiểu để hoàn thành CTĐT là 130 TC, trong đó có 115 TC của các HP bắt buộc và tối thiểu 15 TC của các HP tự chọn.



## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT

Dựa vào ý kiến phản hồi của sinh viên đang học, cựu sinh viên, Giảng viên, nhà tuyển dụng, mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT ĐLH 2019 được xác định rõ ràng, phù hợp và có tính khả thi. SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ đạt được các năng lực tương ứng với 07 CDR được cụ thể bằng các PIs có tính đo lường được. Các CDR (PLO) thể hiện các mức độ cần đạt được khác nhau đối với kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng mềm và thái độ (Bảng 1).

**Bảng 1.** Ma trận thể hiện sự tương thích giữa Mục tiêu, CDR (PLO) và PIs của CTĐT

Mục tiêu	CDR CTĐT (PLO)	PIs
<b>PO1:</b> Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	PLO1: Có kiến thức cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn, khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Địa lí học (Địa lí du lịch)	• PI 1.1: Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch (ĐL DL).
		• PI 1.2: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để tiếp cận các vấn đề trong lĩnh vực Địa lí học và ĐL DL.
<b>PO2:</b> Có hiểu biết sâu rộng về kiến thức cơ sở của ngành: cơ sở địa lý tự nhiên, cơ sở địa lý kinh tế - xã hội, địa lý Việt Nam, địa lý thế giới....	PLO2: Có kiến thức liên quan đến các lĩnh vực chuyên sâu của Địa lí học, vận dụng những tri thức đã học vào việc lý giải, phân tích các vấn đề mang tính thời sự của Địa lí học.	• PI 2.1: Vận dụng được các kiến thức của Địa lí KTXH và tự nhiên trong nghiên cứu, và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Địa lí du lịch.
		• PI 2.2: Áp dụng các kỹ năng địa lí (bao gồm kỹ năng bản đồ, biểu đồ, xử lý và phân tích số liệu....)

		trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.
<p><b>PO3:</b> Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực Địa lý du lịch.</p>	<p>PLO3: Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa lí du lịch và kiến thức nghiệp vụ liên quan đến du lịch, vận dụng lý luận và nghiệp vụ vào những trường hợp thực tiễn cụ thể.</p>	<p>• PI 3.1. Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành liên quan đến Địa lí du lịch trong công việc và trong hoạt động nghiên cứu.</p>
		<p>• PI 3.2. Rèn luyện và vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan.</p>
<p><b>PO4:</b> Có trình độ tiếng Anh theo qui định hiện hành; có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan.</p>	<p>PLO4: Có kỹ năng tin học và ngoại ngữ, khả năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên ngành.</p>	<p>• PI 4.1. Sử dụng ngoại ngữ và tin học trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp du lịch.</p>
		<p>• PI 4.2. Thực hiện được nhiệm vụ cơ bản của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch.</p>
<p><b>PO5:</b> Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các</p>	<p>PLO7: Có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng quy trình thiết kế thực hiện các công việc liên quan đến chuyên ngành; khả năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp; năng lực sáng tạo,</p>	<p>• PI 7.1. Khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng quy trình thiết kế thực hiện các công việc liên quan đến chuyên ngành</p>

<p>môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.</p>	<p>phát triển và thích nghi với những thay đổi trong nghề nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• PI 7.2. Khả năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp; năng lực sáng tạo, phát triển và thích nghi với những thay đổi trong nghề nghiệp.</li> </ul>
<p><b>PO6:</b> Có khả năng làm việc tại các Sở, ban ngành về du lịch, các công ty, trung tâm, các dự án liên quan đến lĩnh vực địa lí và du lịch.</p>	<p>PLO5: Có trách nhiệm với công việc, với bản thân, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của mình, tự tin, thích nghi với sự thay đổi, tính sẵn sàng và khả năng tư duy, sáng tạo; có tầm nhìn trong cuộc sống, mạnh dạn đương đầu với khó khăn, thử thách.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• PI 5.1. Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch; Có trách nhiệm với công việc, với bản thân, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của mình.</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• PI 5.2. Khả năng thích nghi với sự thay đổi, tính sẵn sàng và khả năng tư duy, sáng tạo; có tầm nhìn trong cuộc sống, mạnh dạn đương đầu với khó khăn, thử thách.</li> </ul>
	<p>PLO6: Có kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường làm việc hợp tác; kỹ năng phản biện, hùng biện, quản lí nhóm và huy động sức mạnh tập thể; kỹ năng giao tiếp trong quá trình học tập, làm việc và hợp tác công việc chuyên môn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• PI 6.1. Kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường làm việc hợp tác</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• PI 6.2. Kỹ năng phản biện, hùng biện, quản lí nhóm và huy động sức mạnh tập thể; kỹ năng giao tiếp trong quá trình học tập, làm việc và hợp tác công việc chuyên môn.</li> </ul>

## 2.2 Sự tương thích giữa CDR CTĐT 2019 so với khung năng lực trình độ quốc gia

**Bảng 2.** Ma trận đối sánh CDR của CTĐT ĐLH với Khung trình độ quốc gia bậc Đại học ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

CTĐT Quốc gia CDR	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
<b>PLO1</b>		x				x		x		x		x		x	
<b>PLO2</b>	x		x		x	x		x	x	x		x	x	x	x
<b>PLO3</b>				x	x					x		x	x	x	x
<b>PLO4</b>	x	x	x	x		x		x	x	x		x			x
<b>PLO5</b>			x								X				
<b>PLO6</b>						x				x		x			
<b>PLO7</b>										x				x	

\*Chú thích: Dấu X cho thấy sự tương thích giữa CDR của CTĐT với các chỉ số năng lực của Khung trình độ quốc gia bậc Đại học.

**Bảng 3.** Mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>

## PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

**Bảng 4.** Cấu trúc phân bố các khối kiến thức trong CTDH

	Khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>A</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>15</b>
<b>B</b>	<b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành và ngành	39
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	55
III	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12
IV	<i>Khối kiến thức tự chọn</i>	30
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>		<b>151</b>
<b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>		<b>115</b>
<b>Số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b>		<b>15</b>

**Ghi chú:** \* Không tính các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

### 3.2. Khung chương trình dạy học

Khung CTDH được thể hiện dưới dạng cấu trúc bảng với các thông tin quan trọng của các HP được thiết kế cho mỗi khối kiến thức và dựa vào CDR CTĐT. Các thông tin HP bao gồm: Tên HP, Mã HP, Số TC, Loại HP (lý thuyết hoặc thực hành) nhằm phục vụ cho việc tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo (Bảng 5).

**Bảng 5.** Khung chương trình dạy học của CTĐT Địa lí học 2019

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>					
1	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0		
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0		
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		
4	212 2 1094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0		
8	001 0 1265	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	(1)	(0)	(1)		
9	001 0 1266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	(0)	(1)		
10	001 0 1267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	(0)	(1)		
11	001 0 1268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	(0)	(1)		
12	002 0 1264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)				
		<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>1</b>		
		<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH</b>					
13	311 2 1765	Thông kê thực hành	2	1	1		
14	319 2 1337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0		

15	320	3	1711	Tâm lý học	3	3	0		
16	318	3	1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0		
17	317	3	1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0		
18	319	3	1954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0		
19	319	3	1290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2		
20	319	2	1185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0		
21	319	2	1186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0		
22	319	3	1184	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	3	0		
23	319	3	1188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3	0		
24	319	2	1177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	2	2	0		
25	319	2	1178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	2	2	0		
26	319	3	1141	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0		
27	319	3	1181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3	3	0		
				<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>	<b>39</b>	<b>36</b>	<b>3</b>		
				<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ</b>					
28	319	2	1912	Tổng quan du lịch	2	2	0		
29	318	2	1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0		
30	318	3	1366	Kinh tế du lịch	3	3	0		
31	319	3	1175	Địa lý du lịch thế giới	3	3	0		
32	319	3	1176	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0		
33	319	2	1599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	1	1		
34	318	2	1457	Marketing du lịch	2	2	0		
35	318	2	1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0		
36	319	3	1148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1		
37	318	2	1551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0		
38	319	2	1222	Du lịch sinh thái	2	2	0		
39	318	2	1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0		
40	319	2	1929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	2	1	1		
41	319	2	1219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0		
42	318	3	1488	Nghiệp vụ khách sạn	3	2	1		
43	319	2	1223	Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	2	2	0		
44	319	3	1617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2		
45	319	3	1924	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	2	1		
46	318	3	1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1		
47	318	4	1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	3	1		
48	319	3	1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	2	1		
49	319	2	1775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2		
50	319	3	1839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	3	0	3		
51	303	3	1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
				<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>	<b>61</b>	<b>43</b>	<b>18</b>		
				<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b>					
52	319	2	1406	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam</i>	2	2	0		
53	319	2	1169	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	2	2	0		
54	319	2	1940	<i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam</i>	2	2	0		
55	319	2	1560	<i>Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam</i>	2	2	0		
56	319	2	1431	<i>Luật du lịch</i>	2	2	0		
57	319	2	1285	<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	2	2	0		
58	319	2	1224	<i>Du lịch văn hóa</i>	2	2	0		
59	319	2	1913	<i>Tổng quan ngành lưu trú</i>	2	2	0		
60	318	2	1740	<i>Thanh toán quốc tế</i>	2	2	0		

61	319	2	1692	Thực địa tuyển điểm du lịch	2	0	2		
62	319	3	1021	Bản đồ học chuyên đề	3	2	1		
63	318	2	1221	Du lịch làng nghề	2	2	0		
64	319	3	1220	Du lịch cộng đồng – Homestay	3	3	0		
65	319	2	1867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	2	2	0		
66	303	6	1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>					<b>36</b>	<b>25</b>	<b>9</b>		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>					<b>151</b>				
<b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>					<b>115</b>				
<b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b>					<b>15</b>				

**Ghi chú:** Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng

**Điều kiện tốt nghiệp:**

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

### 3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo

CTDH được tổ chức thực hiện theo các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo hiện hành được áp dụng tại Trường ĐHSP – ĐHĐN: Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ đại học, chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP- ĐHĐN, và các quy định khác của ĐHĐN. CTDH được tổ chức đào tạo trong 04 năm tương ứng với 08 học kì (Bảng 6). Việc bố trí các HP vào các học kì được thực hiện theo nguyên tắc “Phát triển các kiến thức và kỹ năng của người học theo thời gian” (Hình 1; Hình 2) và đảm bảo “Phân phối thời lượng nội dung hợp lí ở từng học kì”.

**Bảng 6.** Kế hoạch chương trình dạy học của CTĐT Địa lí học 2019

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Ghi chú	
			TC	LT	TH		
1	31121765	Thống kê thực hành	2	1	1		
	31921337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0		
	32031711	Tâm lý học	3	3	0		
	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0		
	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0		
	31921177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	2	2	0		
	31921912	Tổng quan du lịch	2	2	0		
	31821708	Tài nguyên du lịch	2	2	0		
			<b>Học phần tự chọn</b>				
	00101265		<i>Giáo dục thể chất 1</i>	(1)	0	(1)	
<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>18</b>	<b>17</b>	<b>1</b>		
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0		
	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		



	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	
	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0	
	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0	
	31921178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	2	2	0	
	31931184	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	3	0	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	00101266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	0	(1)	
	00201264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)			
	31921169	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	2	2	0	
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>1</b>	
<b>3</b>	21321901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	
	31831366	Kinh tế du lịch	3	3	0	
	31931141	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0	
	31931175	Địa lý du lịch thế giới	3	3	0	
	31931188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3	0	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	00101267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	0	(1)	
	31921940	<i>Văn hóa âm thực Việt Nam</i>	2	2	0	
	31921560	<i>Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam</i>	2	2	0	
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>		
<b>4</b>	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2	
	31931176	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0	
	31931181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3	3	0	
	31821457	Marketing du lịch	2	2	0	
	31821661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	
	31921599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	2	0	
	31921775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	00101268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	0	(1)	
	31921431	<i>Luật du lịch</i>	2	2	0	
	31921285	<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	2	2	0	
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>23</b>	<b>19</b>	<b>4</b>		
<b>5</b>	21221904	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	
	31921929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	2	1	1	
	31931488	Nghiệp vụ khách sạn	3	2	1	
	31931148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	
	31821551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0	
	31821484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0	
	31921219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0	
		<b>Học phần tự chọn:</b>				
	31921224	<i>Du lịch văn hóa</i>	2	2	0	
	31921913	<i>Tổng quan ngành lưu trú</i>	2	2	0	
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>		
<b>6</b>	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	

	31921223	Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	2	2	0
	31921222	Du lịch sinh thái	2	2	0
	31931617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2
	31931924	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	1
	31831657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1
	31841487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	3	1
	31931839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	3	0	3
		<b>Học phần tự chọn:</b>			
	31921696	<i>Thực địa tuyển điểm du lịch</i>	2	0	2
	31921021	<i>Bản đồ học chuyên đề</i>	3	2	1
	31821221	<i>Du lịch làng nghề</i>	2	2	0
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>29</b>	<b>18</b>	<b>11</b>
7	31931754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	2	1
	30331847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
		<b>Học phần tự chọn:</b>			
	31921220	<i>Du lịch cộng đồng – Homestay</i>	3	3	0
	31921867	<i>Tiếng Anh chuyên ngành du lịch</i>	2	2	0
	30361338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>17</b>	<b>7</b>	<b>10</b>
8		<b>Học phần tự chọn:</b>			
	31821740	<i>Thanh toán quốc tế</i>	2	2	0
	31921406	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam</i>	2	2	0
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>

### 3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá

#### 3.3.1. Phương pháp dạy và học

Dựa vào triết lý giáo dục của Trường ĐHSP – ĐHĐN và để đảm bảo đạt được các CLO nói riêng cũng như CTĐT nói chung, các phương pháp dạy và học đối với mỗi HP được lựa chọn và thiết kế theo 03 chiến lược dạy và học chủ yếu: “Dạy học hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học”, “Dạy học hướng phát huy tính tự lực, tính nghiên cứu” và “Dạy học tăng cường năng lực thực hành, thực nghiệp”. Sự tương quan giữa CDR CTĐT và các phương pháp dạy và học áp dụng trong CTDH được liệt kê ở Bảng 7. Việc lựa chọn phương pháp dạy và học tùy thuộc vào CLO (thể hiện trong đề cương chi tiết HP)

#### 3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

Các phương pháp kiểm tra và đánh giá là công cụ để đánh giá mức độ đạt được CLO nói riêng cũng như CDR CTĐT nói chung. Để đảm bảo việc đánh giá được tiến hành một cách khách quan, chính xác và đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được các CDR, các phương pháp kiểm tra và đánh giá khác nhau đã được thiết kế dưới dạng các ma trận (rubric). Các rubric bao gồm các mô tả nội dung năng lực và mức độ đánh tương ứng căn cứ vào thang đánh giá Bloom/Bloom cập nhật. Các Rubric đánh giá áp dụng đối với các HP trong CTDH được trình bày trong Bảng 8.

**Bảng 7.** Tương quan giữa chiến lược, phương pháp dạy học và CĐR CTĐT.

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem solving)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt vấn đề</li> <li>- GV phát biểu vấn đề</li> <li>- GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch.</li> <li>- Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)</li> </ul>	PLO1 PLO2
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học)</li> <li>- Giải quyết vấn đề (GV định hướng đề SV đề xuất giải pháp và thực hiện);</li> <li>- Kết luận và vận dụng</li> </ul>	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học)</li> <li>- Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài)</li> <li>- Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc</li> <li>- Trình bày và thảo luận</li> </ul>	PLO1 PLO2 PLO3 PLO5 PLO6
		Phương pháp động não (Brainstorming)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận với thời gian giới hạn.</li> <li>- SV tư duy đề xuất phương án</li> </ul>	PLO1 PLO2
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra thảo luận</li> <li>- SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp</li> <li>- GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề</li> </ul>	PLO1 PLO2 PLO6
2	Dạy học hướng phát huy tính tự lực, tính nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ)</li> <li>- SV nghiên cứu và viết</li> </ul>	PLO1 PLO2

			bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO3 PLO4 PLO6
		Tự học (Self-studying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học - Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO5
3	Dạy học tăng cường năng lực thực hành, thực nghiệp	Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO1 PLO2 PLO7
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm - SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4

		- Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO7
	Dạy học qua thực hành (Experiment)	- GV trình bày hướng dẫn về nội dung các bài thực hành - SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát và phân tích kết quả	PLO2 PLO3

**Bảng 8.** Các rubric đánh giá chung trong chương trình

**R1. Rubric đánh giá Chuyên cần**

<b>R1. ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50	Luôn chủ động, tích cực và tham gia các hoạt động	Khá chủ động, tích cực và có tham gia các hoạt động	Có chủ động và ít tham gia các hoạt động	Không chủ động/ không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	50	Tham gia > 80% buổi học	Tham gia 70-80% buổi học	Tham gia 50-70% buổi học	Tham gia <50% buổi học

**R2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân (bài tập lớn)**

<b>R2. ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP CÁ NHÂN (BÀI TẬP LỚN)</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt</b>	<b>Khá</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Yếu</b>

		(8,5 điểm – 10 điểm)	(7,0 điểm – 8,4 điểm)	(4,0 điểm – 6,9 điểm)	(<4,0 điểm)
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn.	20	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	50	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.
Hình thức trình bày	20	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo

### R3. Rubric đánh giá Thí nghiệm/ Thực hành

R3. ĐÁNH GIÁ THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH					
Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)	Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	10	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	20	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Không thực hiện được các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	30	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/ Không đáp ứng yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	10	Đúng format và nộp đúng hạn	Có vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn

#### R4. Rubric đánh giá Thuyết trình (*Sinh viên làm bài theo nhóm*)

<b>R4. RUBRIC ĐÁNH GIÁ THUYẾT TRÌNH</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	10	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic

				còn một vài sai sót quan trọng	
Trình bày báo cáo rõ ràng	20	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

**R5. Rubric đánh giá đồng đẳng đối với hoạt động nhóm (Các thành viên trong nhóm đánh giá)**

<b>R5. RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NHÓM</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Thời gian tham gia họp nhóm	10	Tham gia đầy đủ số lần họp nhóm	Tham gia 75-90% số lần họp nhóm	Tham gia 50-70% số lần họp nhóm	Tham gia dưới 50% số lần họp nhóm



Thái độ tham gia	20	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	10	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục.
Chất lượng sản phẩm giao nộp	50	Sáng tạo/ đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm.	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm.	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý.	Không sử dụng được.

## R6. Rubric Đánh giá vấn đáp

<b>R6. RUBRIC ĐÁNH GIÁ VẤN ĐÁP</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Kỹ năng trình bày	10%	Lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin	Khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin	Tương đối rõ ràng, chưa thực sự tự tin	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin
Nội dung chính 1: .....	30%	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng	Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.

			kiến thức chuyên môn vào thực tế.		
Nội dung chính 2: .....	20%	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.
Nội dung chính 3: .....	20%	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.
Nội dung chính 4: .....	20%	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.

### R7. Rubric Đánh giá Tiểu luận

<b>R7. ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Cấu trúc	10	Cấu trúc cân đối, hợp lý.	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý.	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý.	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý.

Nội dung	70	- Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic	- Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề - Lập luận tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận không chặt chẽ, logic
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	5	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi nhỏ	Format vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều

**R8. Rubric Đánh giá Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp (Dành cho cán bộ hướng dẫn/ Ủy viên phản biện)**

<b>R8. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN/ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Hình thức	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.

**R8. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN/ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
				không rõ ràng, không đúng quy định.	
Bố cục	10	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic.	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, một số tiêu mục không rõ ràng,	Thiếu một số tiêu mục và một số tiêu mục không rõ ràng và thiếu tính logic.	Không theo quy định, không lôgic
Tài liệu tham khảo	10	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Khá phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Ít TLTK, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức
Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận	20	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài.	Tổng quan nghiên cứu khá phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài.	Tổng quan nghiên cứu sơ sài, cơ sở lý luận đôi chỗ lan man, không bám sát đề tài.	Tổng quan nghiên cứu rất hạn chế/ không phù hợp, cơ sở lý luận không bám sát đề tài.
Phương pháp nghiên cứu và chọn mẫu	20	Phương pháp nghiên cứu đa dạng, thích hợp; phương pháp chọn mẫu đúng.	Phương pháp nghiên cứu thích hợp; phương pháp chọn mẫu đúng.	Phương pháp nghiên cứu sơ sài; phương pháp chọn mẫu đúng.	Phương pháp nghiên cứu không thích hợp; phương pháp chọn mẫu không đúng.

**R8. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN/ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Thu thập và xử lý, phân tích số liệu	20	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật, phù hợp và sáng tạo.	Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp.	Phương pháp thu thập số liệu sơ sài; phân tích số liệu chủ yếu là thống kê mô tả, không có phân tích sâu.	Phương pháp thu thập số liệu không hợp lý; xử lý, phân tích số liệu không đúng kỹ thuật/không phù hợp
Kết quả nghiên cứu và Kết luận	10	- Kết quả nghiên cứu giải quyết được đầy đủ các mục tiêu nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu.  - Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn.	- Kết quả nghiên cứu giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu.  - Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn.	- Kết quả nghiên cứu chưa giải quyết một số mục tiêu không trọng yếu của nghiên cứu của đề tài/ câu hỏi nghiên cứu.  - Kết luận khá phù hợp với số liệu, được rút ra có cơ sở khoa học.	- Không rút ra kết quả nghiên cứu hoặc kết quả nghiên cứu được rút ra không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu.  - Kết luận không phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu.

**R9. Rubric Đánh giá khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp (Dành cho Hội đồng chấm Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp)**

<b>R9. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN/ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Hình thức báo cáo khóa luận/ luận văn	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.
Chất lượng báo cáo khóa luận/ luận văn	50	Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu và phân tích luận điểm tương đối rõ ràng.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn tài liệu tham khảo.
Chất lượng bảo vệ	10	Lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, đúng thời gian	Khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin, đảm bảo thời gian	Tương đối rõ ràng, chưa thực sự tự tin, đảm bảo thời gian	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin, không đảm bảo thời gian
Trả lời câu hỏi	30	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi

			những câu hỏi chưa trả lời được		
--	--	--	---------------------------------	--	--

**R10. Rubric Đánh giá thực tập tại Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp**

<b>R10. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP TẠI CƠ QUAN/TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Chấp hành nội quy của đơn vị	10	Chấp hành hoàn toàn đúng nội quy đơn vị	Chấp hành đúng nội quy đơn vị	Mắc 1 - 2 vi phạm nội quy của đơn vị nhưng không ảnh hưởng đến đơn vị	Không chấp hành nội quy đơn vị
Thái độ làm việc	10	Rất tích cực	Tích cực	Ít tích cực	Rất thụ động
Ý thức học hỏi	10	Rất tích cực học hỏi	Tích cực học hỏi	Ít tích cực học hỏi	Không chịu học hỏi
Tinh thần đồng đội	10	Luôn hỗ trợ đồng nghiệp	Tích cực hỗ trợ đồng nghiệp	Chỉ hỗ trợ đồng nghiệp khi có yêu cầu	Không chịu hợp tác
Kiến thức, kỹ năng thu nhận	60	Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu.	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu.	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu.	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu.

**R11. Rubric đánh giá Báo cáo thực tập tại Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp**

<b>R11. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC TẬP TẠI CƠ QUAN/TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt; 4,0 điểm)</b>
Hình thức báo cáo	10	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; đa số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu; một số hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định.
Kỹ năng trình bày	10	Lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, giao lưu người nghe, đúng thời gian	Khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin, đảm bảo thời gian	Tương đối rõ ràng, chưa thực sự tự tin, đảm bảo thời gian	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin, không đảm bảo thời gian
Nội dung yêu cầu 1	30	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) một cách sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) tương đối sâu sắc, khoa học.	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) chưa thực sự sâu sắc và chưa thực sự khoa học.	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (1) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (1) sơ sài.



**R11. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC TẬP TẠI CƠ QUAN/TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt; 4,0 điểm)</b>
Nội dung yêu cầu 2	30	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2) một cách sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2) tương đối sâu sắc, khoa học.	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2) chưa thực sự sâu sắc và chưa thực sự khoa học.	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn (2) và ý nghĩa của công việc đã thực tập (2) sơ sài.
Trả lời câu hỏi	20	Trả lời 80% - 100% nội dung trong câu hỏi. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời 70% - 80% nội dung trong câu hỏi. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung câu hỏi. Không trả lời được vấn đề liên quan.	Không trả lời được kiến thức đã học.

**R12. Rubric Đánh giá Giờ dạy của giáo sinh thực tập sư phạm (Dành cho giáo viên tại cơ sở thực tập)**

<b>R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM</b>						
<b>Các mặt đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt; 4,0 điểm)</b>
Chuẩn bị kế hoạch bài dạy, thiết bị dạy học	Xác định rõ ràng, đầy đủ mục tiêu của bài học (kiến thức, kỹ năng, thái độ)	15%	Trình bày được các mục tiêu bài học rõ ràng, cụ thể, đầy đủ theo CTGDPT. Sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được để viết mục tiêu bài học	Trình bày được các mục tiêu bài học cụ thể, đầy đủ theo CTGDPT. Tuy nhiên, một số mục tiêu chưa thực sự rõ ràng. Sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được để viết mục tiêu bài học	Trình bày được mục tiêu bài học theo chương trình GDPT, song chưa rõ, còn thiếu. Sử dụng các động từ đo lường được khi viết mục tiêu bài học.	Trình bày mục tiêu bài học không rõ, chung chung, không theo CTGDPT hoặc thiếu những mục tiêu quan trọng. Sử dụng các động từ không đo lường được để viết các mục tiêu bài học.
	Chuẩn bị Kế hoạch bài dạy		Kế hoạch bài dạy thể hiện đầy đủ các nội dung, đảm bảo tính khoa học, thể hiện rõ logic tiến trình các hoạt động của GV và HS. Trình bày giáo án logic, ngắn gọn, rõ ràng, có dự tính trước các tình huống.	Kế hoạch bài dạy đảm bảo tính khoa học, thể hiện được tiến trình các hoạt động của GV và HS, trình bày logic nhưng chưa dự tính được các tình huống.	Kế hoạch bài dạy đảm bảo tính khoa học, thể hiện được tiến trình các hoạt động của GV và HS, nhưng trình bày chưa logic, chưa dự tính được các tình huống.	Kế hoạch bài dạy sơ sài, không logic, thiếu tiến trình các hoạt động của GV và HS. Kế hoạch bài dạy trình bày cẩu thả.
	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/		Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/ thiết bị dạy học và	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/ thiết bị dạy học	Chuẩn bị đầy đủ phương tiện/ thiết bị dạy học, học	Không chuẩn bị phương tiện/ thiết bị dạy học, hoặc

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
	thiết bị dạy học (bao gồm cả học liệu)		học liệu phù hợp với nội dung dạy học và hình thức dạy học.	nhưng một số phương tiện/ thiết bị dạy học và học liệu chưa thực sự phù hợp với nội dung bài học.	liệu nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với nội dung bài học.	có nhưng câu trả, không có học liệu hoặc học liệu không phù hợp với nội dung bài học.
Nội dung giờ dạy	Đảm bảo tính chính xác, logic, khoa học, làm rõ được trọng tâm	20%	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức trọng tâm của bài học.	Đảm bảo tính chính xác, logic, khoa học, cơ bản làm rõ được trọng tâm nhưng đôi chỗ còn lan man.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kỹ năng chưa được sắp xếp logic hoặc chưa xác định được kiến thức trọng tâm.	Các khái niệm, thuật ngữ khoa học có nội dung không chuẩn xác; không xác định được kiến thức trọng tâm.
	Đảm bảo mức độ phân hoá, phù hợp với khả năng của học sinh		Đảm bảo phân hoá theo trình độ học sinh trong lớp học: nội dung kiến thức, kỹ năng chuẩn; Nội dung kiến thức, kỹ năng nâng cao dành cho HS khá, giỏi. Có biện pháp hỗ trợ học sinh yếu.	Đảm bảo phân hoá theo trình độ học sinh trong lớp học, tuy nhiên mức độ phân hoá không đồng đều giữa các thành phần về kiến thức, kỹ năng.	Các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng học sinh yếu hoặc học sinh khá , giỏi trong lớp không rõ ràng.	Không có sự phân hoá các nội dung kiến thức, kỹ năng dành cho các đối tượng khác nhau trong lớp học

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
	Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức		Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự và các ví dụ xuất phát từ thực tế hoặc có liên hệ ứng dụng thực tế.	Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.	Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.	Nội dung kiến thức không được cập nhật, không liên hệ với thực tế.
	Tích hợp được các nội dung giáo dục (giá trị, kỹ năng sống, hứng thú, niềm tin ...)		Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nuôi dưỡng hứng thú, tạo niềm tin... có sức hấp dẫn HS.	Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nhưng chưa thực sự tiêu biểu.	Nội dung kiến thức có lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống... song còn sơ sài, đơn điệu... chưa thực sự hấp dẫn học sinh.	Nội dung kiến thức khô khan, thuần kiến thức môn học, không được lồng ghép các nội dung giáo dục.
Phương pháp, kỹ thuật dạy học	Lựa chọn được phương pháp/ kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học	20%	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, tân tiến, phù hợp với nội dung của bài học. Học sinh dễ hiểu, tích cực tham gia.	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, nhưng có lúc lạm dụng quá nhiều PP/KT dạy học.	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đa dạng, nhưng có lúc lạm dụng, chưa thực phù hợp với nội dung bài học.	Phương pháp/ kỹ thuật dạy học đơn điệu, không phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học.

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

<b>Các mặt đánh giá</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt; 4,0 điểm)</b>
	Vận dụng phương pháp/ kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học		Vận dụng các phương pháp/ kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phát huy tính tích cực của học sinh, kích thích sự tranh luận, hợp tác nhóm và tư duy phê phán của học sinh.	Vận dụng các phương pháp/ kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, nhưng chưa thực sự sáng tạo trong những tình huống cụ thể.	Biết vận dụng phương pháp/ kỹ thuật vào các tình huống dạy học, nhưng chưa sáng tạo hoặc chưa kích thích được tính tích cực của HS	Phương pháp đơn điệu, không phát huy được tính tích cực học tập của học sinh.
	Sử dụng hợp lý các phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của học sinh		Lựa chọn được các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, vận dụng sáng tạo, đa dạng hoá kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học.	Sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, nhưng chưa đa dạng hoá kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh phương pháp dạy học.	Có sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, nhưng chưa phù hợp, còn mang tính hình thức.	Không có phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của học sinh, học sinh không được đánh giá trong quá trình dạy học.
	Các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học đa dạng, linh		Sự phối hợp các PP/KT dạy học nhuần nhuyễn, sự thay đổi PP/KT dạy học linh hoạt dựa theo logic	Có sự phối hợp các PP/KT dạy học tốt, có sự thay đổi PP/KT dạy học	Biết phối hợp các PP/KT dạy học nhưng chưa nhuần nhuyễn, sự thay đổi	Phương pháp, hình thức dạy học đơn điệu, truyền thụ một chiều. Học sinh

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
	hoạt kích thích khả năng tự học.		của bài học. Tạo cơ hội và khuyến khích học sinh phát biểu quan điểm riêng và chú trọng phát triển khả năng tự học của HS	dựa theo logic của bài học.	PP/KT dạy học chưa bám sát logic của bài học. Học sinh được tham gia vào các hoạt động, nhưng chưa chú trọng phát triển khả năng tự học.	chưa tham gia vào các hoạt động học tập hoặc tham gia một cách thụ động.
Tổ chức hoạt động học tập	Sử dụng các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá, kích thích tư duy của học sinh	30%	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá phù hợp cho các nhóm học sinh (giỏi, khá, trung bình, yếu). Câu hỏi/ bài tập kích thích tư duy của học sinh, khích lệ HS suy nghĩ, tranh luận, vận dụng, xử lý các vấn đề của cá nhân/ thực tế.	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập có tính phân hoá phù hợp cho các nhóm học sinh. Tuy nhiên một số các câu hỏi chưa kích thích được tư duy của học sinh.	GV đưa ra được các câu hỏi/ bài tập khác nhau, ở góc độ nào đó là thích hợp cho các đối tượng, nhưng tính phân hoá chưa rõ, chưa kích thích được tư duy của học sinh.	Các câu hỏi/ bài tập mà GV đưa ra chỉ đơn thuần là ghi nhớ, học thuộc, không kích thích tư duy, không có tính phân hoá. Không khích lệ HS suy nghĩ.
	Sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, hiệu quả.		Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác triệt để, sử dụng an toàn và có hiệu quả cao. HS được tạo	Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác triệt để, sử dụng an toàn và có hiệu quả cao. Tuy nhiên,	Thiết bị dạy học và học liệu được khai thác, sử dụng an toàn, hiệu quả. Học sinh không được thao	Sử dụng thiết bị dạy học, học liệu không hợp lý, kém hiệu quả.

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
			điều kiện thao tác trên học liệu, thiết bị dạy học.	học sinh ít được thao tác trên thiết bị dạy học và học liệu.	tác trên thiết bị dạy học và học liệu.	
	Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian hợp lý cho các hoạt động		Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lý. Luôn chủ động, sử dụng thời gian cho từng hoạt động thực sự hợp lý, hiệu quả.	Đảm bảo thời gian tiết học và phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lý. Tuy nhiên chưa chủ động điều chỉnh thời gian theo thực tế hoạt động.	Đảm bảo thời gian tiết học. Tuy nhiên, thời gian phân bố cho các hoạt động chưa thật sự hợp lý hoặc chưa hiệu quả. Chưa chủ động điều chỉnh thời gian theo thực tế hoạt động.	Không đảm bảo thời gian tiết học. Việc phân bố thời gian cho các hoạt động không hợp lý, sử dụng thời gian phân bố kém hiệu quả.
	Môi trường học tập thân thiện, GV xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm trong giờ học.		Xây dựng được môi trường học tập thân thiện, hợp tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh. Tôn trọng các ý kiến của HS. Xử lý các tình huống trong giờ học hợp lý, đảm bảo tính sư phạm.	Xây dựng được môi trường học tập thân thiện, hợp tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh. Tôn trọng các ý kiến của HS. Xử lý một số tình huống trong giờ học chưa thực sự hợp lý, tính sư phạm chưa rõ.	Xây dựng được môi trường học tập hợp tác, thân thiện thuận lợi cho HS hoạt động. Tuy nhiên chưa động viên khích lệ được HS tham gia các hoạt động. Xử lý các tình huống trong giờ học chưa	Chưa chú ý xây dựng được môi trường học tập thân thiện, hợp tác, thuận lợi cho các học tập của HS. Xử lý các tình huống trong giờ học không hợp lý, thiếu tính sư phạm.

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
					thật hợp lý, tính sư phạm chưa rõ.	
	Học sinh được nhận xét, đánh giá, sửa lỗi kịp thời		Học sinh được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực: HS cảm nhận không bị áp đặt, được tôn trọng, không sợ sai khi nói ra, HS cảm thấy mình có giá trị. GV phát hiện lỗi của HS để sửa lỗi cho cả lớp một cách kịp thời.	Phần lớn Học sinh được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực.	HS được nhận xét, đánh giá nhưng chưa theo hướng tích cực. GV chưa biết phân tích lỗi của HS để sửa lỗi kịp thời cho cả lớp.	HS không được nhận xét, đánh giá, sửa lỗi kịp thời.
	Học sinh được hướng dẫn và hiểu rõ nhiệm vụ, chủ động trong các hoạt động học tập		HS được hướng dẫn, hiểu rõ các nhiệm vụ học tập, tích cực chủ động chọn lựa phương pháp phù hợp với từng nội dung học tập. Hầu hết học sinh thể hiện tính chủ động.	HS được hướng dẫn, hiểu rõ nhiệm vụ, nhưng còn một bộ phận nhỏ HS chưa chủ động trong các hoạt động học tập.	HS được hướng dẫn, hiểu rõ nhiệm vụ, nhưng còn một bộ phận đáng kể HS chưa chủ động trong các hoạt động học tập.	HS không được hướng dẫn, không hiểu rõ nhiệm vụ, đa số HS thụ động trong các hoạt động học tập
Kết quả giờ dạy	Học sinh thể hiện đạt được	15%	Trên 80% HS trong lớp đều đạt được mục tiêu bài học đó đặt ra: thể hiện ở	Có khoảng 71 - 85% HS trong lớp đều đạt được	50 – 70% HS đạt được mục tiêu giờ học (về kiến	Trên 50% HS trong lớp không đạt được mục tiêu



**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
	mục tiêu của giờ học/ bài học		khả năng nắm vững, làm chủ được các kiến thức, kỹ năng của bài học và có thái độ tích cực. HS có khả năng thể hiện hoặc trình bày được kết quả học tập một cách tự tin.	mục tiêu bài học đó đặt ra: thể hiện ở khả năng nắm vững, làm chủ được các kiến thức, kỹ năng của bài học và có thái độ tích cực. HS có khả năng thể hiện hoặc trình bày được kết quả học tập một cách tự tin.	thức, kỹ năng, thái độ) ở mức trung bình. Vẫn còn một số HS chưa đạt được mục tiêu đề ra.	bài học đó đặt ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ.
	HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào tình huống cụ thể, biết liên hệ thực tế		Hầu hết HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra một cách thành thạo và lấy được các ví dụ liên hệ thực tế.	Có khoảng 70 - 80% HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra. Vẫn còn một bộ phận đáng kể HS cảm thấy khó khăn hoặc chưa biết liên hệ thực tế.	Ít nhất khoảng 50% HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra. Vẫn còn một bộ phận đáng kể HS cảm thấy khó khăn hoặc chưa biết liên hệ thực tế.	Đa số HS chưa biết vận dụng kiến thức vào xử lý các bài tập/ câu hỏi/ tình huống GV đưa ra và hầu hết HS không biết liên hệ thực tế.
	HS hứng thú, tự tin, tích cực		Hầu hết HS đều thể hiện hứng thú, sự tự tin và chủ	Có khoảng 70 -80% HS thể hiện hứng thú, sự tự	Ít nhất có khoảng 50% HS thể hiện hứng thú, sự tự	Đa số học sinh làm việc thụ động một chiều (nghe

**R12. ĐÁNH GIÁ GIỜ DẠY CỦA GIÁO SINH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Các mặt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,0 điểm – 10 điểm)	Khá (6,0 điểm – 7,9 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 5,9 điểm)	Yếu (< 4,0 điểm)
	tương tác trong quá trình học tập		động tích cực tương tác trong quá trình học tập.	tin và tích cực tương tác trong quá trình học tập.	tin và tích cực tương tác trong quá trình học tập.	giảng và ghi chép một chiều)

**13. Rubric Đánh giá quá trình chuẩn bị thực tế**

**R13. ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ THỰC TẾ**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)	Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Mức độ hoàn thành các công việc	30%	Hoàn thành trên 95% công việc chuẩn bị được phân công cho chuyển thực tế.	Hoàn thành từ 75% đến dưới 95% công việc chuẩn bị được phân công cho chuyển thực tế.	Hoàn thành từ 30% đến dưới 75% công việc chuẩn bị được phân công cho chuyển thực tế.	Hoàn thành dưới 30% công việc chuẩn bị được phân công cho chuyển thực tế.
Kết quả công việc chuẩn bị	70%	Kết quả chuẩn bị chỉ đạt yêu cầu từ 85% trở lên.	Kết quả chuẩn bị chỉ đạt yêu cầu từ 70% đến dưới 85%	Kết quả chuẩn bị đạt yêu cầu từ 30% đến dưới 70%	Kết quả chuẩn bị đạt yêu cầu dưới 30%

#### 14. Rubric Đánh giá trực tiếp ngoài thực địa

<b>R14. ĐÁNH GIÁ TRỰC TIẾP NGOÀI THỰC ĐỊA</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Ý thức tổ chức, kỷ luật	30%	Không vi phạm trong đợt thực tế	Vi phạm 1 lần trong đợt thực tế	Vi phạm từ 1 đến 3 lần trong đợt thực tế	Vi phạm từ 3 lần trở lên
Khả năng nhìn nhận, đánh giá các đối tượng địa lý ngoài thực tế	50%	Có nhận biết được đặc điểm của một số đối tượng địa lý ngoài thực tế và giải thích một cách hoàn chỉnh.	Có nhận biết được đặc điểm của một số đối tượng địa lý ngoài thực tế và giải thích một cách tương đối chính xác.	Có nhận biết được đặc điểm của một số đối tượng địa lý ngoài thực tế, đã giải thích sơ bộ về đối tượng.	Không có khả năng phân biệt được đặc điểm của các đối tượng địa lý ngoài thực tế
Khả năng sử dụng các công cụ phục vụ nghiên cứu địa lý ngoài thực tế	20%	Sử dụng trên 85% chức năng của các công cụ phục vụ nghiên cứu địa lý	Sử dụng được từ 70% đến dưới 88% chức năng của các công cụ phục vụ nghiên cứu địa lý	Sử dụng được từ 30% đến dưới 70% chức năng của các công cụ phục vụ nghiên cứu địa lý	Không biết sử dụng những công cụ phục vụ nghiên cứu địa lý

## 15. Rubric Kiểm tra Tự luận

<b>R15. KIỂM TRA TỰ LUẬN</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Loại câu hỏi</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Nội dung và hình thức trình bày	Trả lời ngắn (câu hỏi bậc 1, 2 theo Bloom)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Không có hoặc có 1 – 2 lỗi chính tả và diễn đạt.</li> <li>- Cấu trúc câu trả lời đảm bảo logic và mạch lạc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng và đạt 70% - 80% nội dung nêu trong đáp án</li> <li>- Có 3 – 4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</li> <li>- Cấu trúc câu trả lời đảm bảo logic.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trả lời chỉ đạt 50% - 70% nội dung nêu trong đáp án.</li> <li>- Có trên 06 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</li> <li>- Cấu trúc câu trả lời chưa đảm bảo logic và mạch lạc.</li> </ul>	
	Tự luận (câu hỏi bậc 3 – 6)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra.</li> <li>- Có dẫn chứng, lập luận logic, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra</li> <li>- Có đưa ra quan điểm cá nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề.</li> <li>- Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân.</li> <li>- Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.</li> </ul>	Không trình bày được hoặc trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.

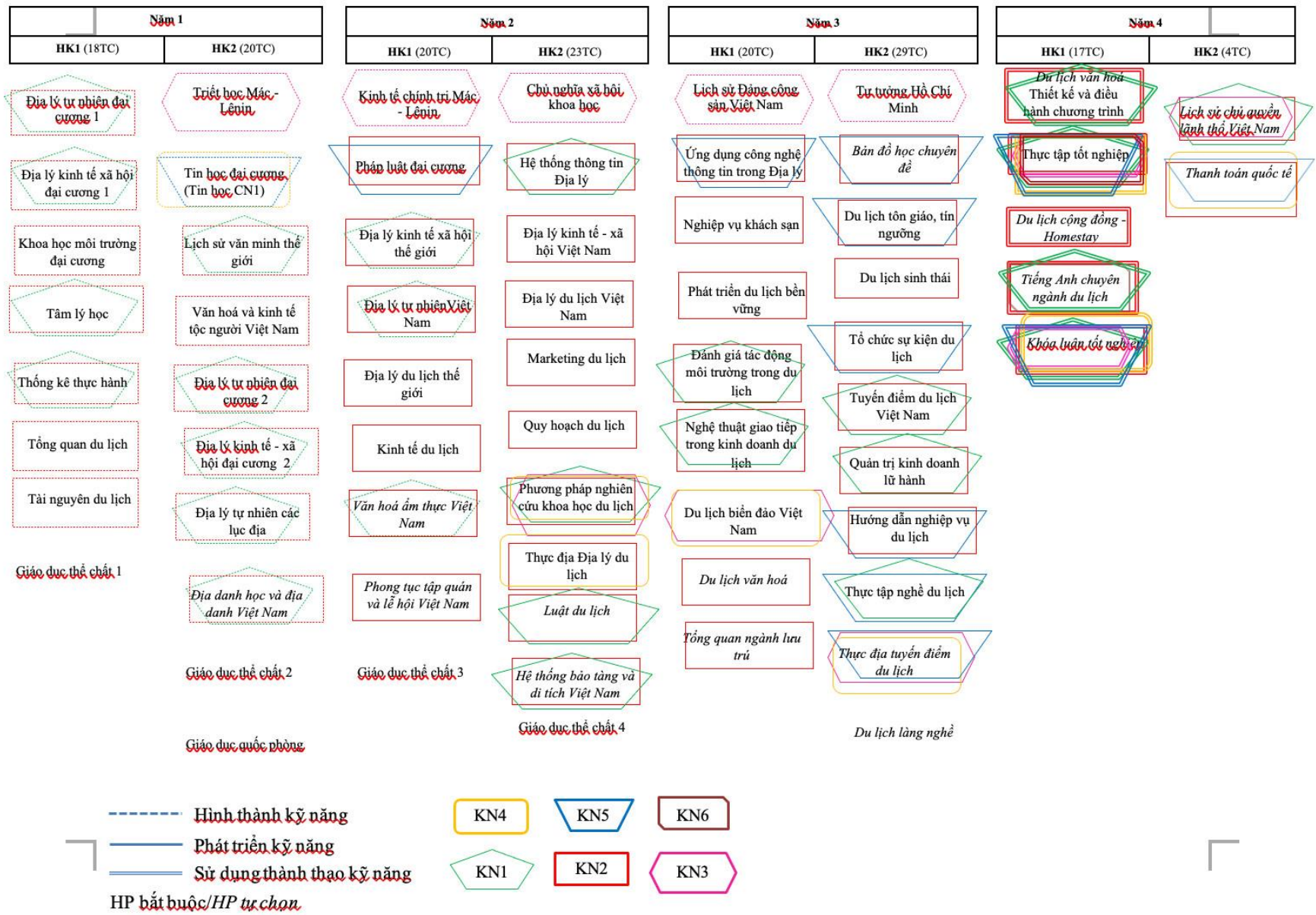
		- Không có hoặc có 1 – 5 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự logic, chặt chẽ.  - Có 6 – 10 lỗi chính tả và diễn đạt	- Có 10 – 15 lỗi chính tả và diễn đạt	
--	--	--	---	---------------------------------------	--

### 16. Rubric Kiểm tra Trắc nghiệm khách quan

<b>R16. KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN</b>					
<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Trọng số %</b>	<b>Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)</b>	<b>Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)</b>	<b>Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)</b>	<b>Yếu (&lt;4,0 điểm)</b>
Nội dung trả lời	100	Trả lời đúng 85 – 100 % số câu hỏi trắc nghiệm	Trả lời đúng 70 – 84 % số câu hỏi trắc nghiệm	Trả lời đúng 40 – 69 % số câu hỏi trắc nghiệm	Trả lời đúng dưới 40 % số câu hỏi trắc nghiệm

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
HK1 (17TC)	HK2 (20TC)	HK1 (20TC)	HK2 (23TC)	HK1 (20TC)	HK2 (29TC)	HK1 (17TC)	HK2 (8TC)
Địa lý tự nhiên đại cương 1	Triết học Mác - Lênin	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Lịch sử chi quyền lãnh thổ Việt Nam
Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Pháp luật đại cương	Hệ thống thông tin Địa lý	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Địa lý	Bản đồ học chuyên đề	Thực tập tốt nghiệp	Thanh toán quốc tế
Khoa học môi trường đại cương	Lịch sử văn minh thế giới	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Nghiệp vụ khách sạn	Du lịch tôn giáo, tín ngưỡng	Du lịch cộng đồng - Homestay	
Tâm lý học	Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Địa lý du lịch Việt Nam	Phát triển du lịch bền vững	Du lịch sinh thái	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	
Thống kê thực hành	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Địa lý du lịch thế giới	Marketing du lịch	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	Tổ chức sự kiện du lịch	Khảo luận tốt nghiệp	
Tổng quan du lịch	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	Kinh tế du lịch	Quy hoạch du lịch	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	Tuyển điểm du lịch Việt Nam		
Tài nguyên du lịch	Địa lý tự nhiên các lục địa	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	Du lịch biển đảo Việt Nam	Quản trị kinh doanh lưu hành		
Giáo dục thể chất 1	Địa danh học và địa danh Việt Nam	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Thực địa Địa lý du lịch	Du lịch văn hoá	Hướng dẫn nghiệp vụ du lịch		
	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Luật du lịch	Tổng quan ngành lưu trú	Thực tập nghề du lịch		
	Giáo dục quốc phòng		Hệ thống bảo tàng và di tích Việt Nam		Thực địa tuyển điểm du lịch		
			Giáo dục thể chất 4		Du lịch làng nghề		
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và ngành	Kiến thức chuyên ngành	HP bắt buộc		
					HP tự chọn		

Hình 1. Lộ trình giảng dạy và phát triển kiến thức trong chương trình dạy học.



**Hình 2.** Lộ trình giảng dạy và phát triển các kỹ năng trong chương trình dạy học.

## **PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

### **4.1. Chuẩn đầu ra của học phần**

Cấu trúc nội dung CTDH Địa lí học 2019 bao gồm 66 HP, cả tự chọn lẫn bắt buộc. Các HP này là những yếu tố cơ bản đóng góp vào việc hình thành và phát triển các năng lực của người học đã được mô tả trong các chuẩn đầu ra PLO. Do đó, các năng lực mà người học cần đạt được ở mỗi HP cũng được xây dựng thành các CLO tương ứng. Các CLO được xây dựng trong CTDH 2019 có các đặc trưng sau:

- Các năng lực được mô tả trong các CLO đều có khả năng đo lường được;
- Mức độ năng lực mô tả trong các CLO tương ứng với mức độ mô tả trong PI;
- Nội dung của mỗi CLO đóng góp đến việc hình thành các PI từ 1-3 mức độ: L (Low) – mức độ thấp; M (Medium) - mức độ trung bình; và H (High) – mức độ cao.

Sự liên kết giữa các HP và mức độ đóng góp của các HP đối với các PLO/PI của CTĐT được thể hiện thành ma trận ở Bảng 09 và Bảng 10.



**Bảng 09.** Ma trận thể hiện sự liên kết và mức độ đóng góp của HP đến PLOs và PIs của CTĐT

*Điền một trong các mức L, M, H hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ)*

ST T	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)														Đóng góp của học phần			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		Mức L	Mức M	Mức H	Tổng PI
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2				
1	1	Thống kê thực hành		M			L			M			M				1	3	0	4
2		Khoa học môi trường đại cương		M			M						M				0	3	0	3
3		Tâm lý học		M			M	M				L	M	M			1	5	0	6
4		Cơ sở văn hoá Việt Nam		M										M			0	2	0	2
5		Địa lý tự nhiên đại cương 1		M					L								1	1	0	2
6		Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1			M	M							M	M			0	4	0	4
7		Tổng quan du lịch			M		M		L								1	2	0	3
8		Tài nguyên du lịch		L	H	H	M									L	2	1	2	5
9		<i>Giáo dục thể chất 1</i>															0	0	0	0
10	2	Triết học Mác - Lênin	M														0	1	0	1
11		Tin học đại cương									H	L					1	0	1	2
12		Lịch sử văn minh thế giới					M		L				M				1	2	0	3
13		Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam		M	L						M		L				2	2	0	4
14		Địa lý tự nhiên đại cương 2			M				L								1	1	0	2
15		Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2			M	M							M	M			0	4	0	4
16		Địa lý tự nhiên các lục địa		H	H	H							M				0	1	3	4
17		<i>Giáo dục thể chất 2</i>															0	0	0	0
18		<i>Giáo dục quốc phòng</i>															0	0	0	0
19	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>			M					L						M	1	2	0	3	
20	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H														0	0	1	1
21		Pháp luật đại cương	M												M		0	2	0	2
22		Kinh tế du lịch					M						M	M			0	3	0	3
23		Địa lý kinh tế - xã hội thế giới		L	M		L							L			3	1	0	4
24		Địa lý du lịch thế giới			M				L				M				1	2	0	3

ST T	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)														Đóng góp của học phần			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		Mức L	Mức M	Mức H	Tổng PI
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2				
25		Địa lý tự nhiên Việt Nam			H		M							M			0	2	1	3
26		Giáo dục thể chất 3															0	0	0	0
27		Văn hoá ẩm thực Việt Nam					M						M				0	2	0	2
28		Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam						M							M		0	2	0	2
29	4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M													L	1	1	0	2
30		Hệ thống thông tin địa lý			L		H		H	H							1	0	3	4
31		Địa lý du lịch Việt Nam			M		L						M	M			1	3	0	4
32		Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam			M	M	L			L							2	2	0	4
33		Marketing du lịch					H							M			0	1	1	2
34		Quy hoạch du lịch			M		M									H	0	2	1	3
35		Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch							L	L	M				L	L	4	1	0	5
36		Thực địa Địa lý du lịch			M	M	M	M			H		M	M	M		0	7	1	8
37		Giáo dục thể chất 4															0	0	0	0
38		Luật du lịch	M				M							M	M		0	4	0	4
39		Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam						M							L		1	1	0	2
40	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M														0	1	0	1
41		Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý					M	H	H						H		0	1	3	4
42		Nghiệp vụ khách sạn					M								M		0	2	0	2
M		Đánh giá tác động môi trường trong du lịch				M						M				H	0	2	1	3
44		Phát triển du lịch bền vững					M						L	L			2	1	0	3
45		Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch						M						M			0	2	0	2
46		Du lịch biển đảo Việt Nam			M		L									L	2	1	0	3
47		Du lịch văn hoá			M									L	M		1	2	0	3
48		Tổng quan ngành lưu trú			M		M							L	M		1	3	0	4

ST T	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)														Đóng góp của học phần			
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		Mức L	Mức M	Mức H	Tổng PI
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2				
49	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H										M			0	1	1	2	
50		Du lịch tôn giáo tín ngưỡng					M					L			L	2	1	0	3	
51		Du lịch sinh thái				H						L				1	0	1	2	
52		Tổ chức sự kiện du lịch						M					L		L	2	1	0	3	
53		Tuyên điểm du lịch Việt Nam				M		M					M		M	0	4	0	4	
54		Quản trị kinh doanh lữ hành						M					L	M		1	2	0	3	
55		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch						M						M	L	1	2	0	3	
56		Thực tập nghề nghiệp du lịch			M		M				L		H		H	1	2	2	5	
57		Thực địa tuyên điểm du lịch			H		M				M		H		M	0	3	2	5	
58		Bản đồ học chuyên đề				M				M						0	2	0	2	
59		Du lịch làng nghề						M							M	0	2	0	2	
60	7	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch					M					L			L	2	1	0	3	
61		Thực tập tốt nghiệp			M		H		H		M		H		H	0	2	4	6	
62		Du lịch cộng đồng - Homestay			M		M						M	M		L	1	4	0	5
63		Tiếng Anh chuyên ngành du lịch			M				M				L			1	2	0	3	
64	Khoá luận tốt nghiệp				M	H		H			M		H		H	0	2	4	6	
65	8	Thanh toán quốc tế					M									0	1	0	1	
66		Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	M				L				M					1	2	0	3	
67	Chuẩn đầu ra tiếng Anh B1																			
68	Chuẩn đầu ra tin học																			
<b>Tổng hợp số lượng học phần bắt buộc theo các mức độ đóng góp</b>																<b>45</b>	<b>119</b>	<b>32</b>	<b>196</b>	
Mức L			<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>45</b>			
Mức M			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>18</b>	<b>8</b>	<b>18</b>	<b>13</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>15</b>	<b>13</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>119</b>			
Mức H			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>32</b>			
HP đóng góp			<b>8</b>	<b>9</b>	<b>24</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>13</b>	<b>11</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>10</b>	<b>196</b>			

**Bảng 10. Phân bố trình tự giảng dạy theo chủ đề chuẩn đầu ra của CTĐT**

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
<b>PLO1</b>	Có kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn, khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu Địa lí học (Địa lí du lịch)	PI 1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Địa lí học và chuyên ngành Địa lí du lịch (ĐLĐL)	Triết học Mác - Lênin	M	CLO1: Giới thiệu được quá trình hình thành và phát triển của triết học, nội dung vấn đề cơ bản của triết học. CLO2: Chứng minh được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. CLO3: Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức. CLO4: Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về học thuyết hình thái kinh tế- xã hội; biện chứng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; sự phát triển lịch sử- tự nhiên của các hình thái kinh tế- xã hội. CLO5: Giải thích được quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người; CLO6: Chỉ ra được sự vận dụng các bài học phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. CLO7: Đấu tranh với các quan điểm duy tâm, tôn giáo và phản biện, bảo vệ được các vấn đề của triết học Mác- Lênin.
			Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H	CLO1: Giải thích được các phạm trù cơ bản, đặc điểm và bản chất các quy luật vận động của kinh tế thị trường; kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; CLO2: Giải thích được đặc điểm, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. CLO3: Phân tích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. CLO4: Áp dụng được các kiến thức đã học để có thể lý giải những hiện tượng kinh tế, xã hội trong thực tiễn CLO5: Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.
			Pháp luật đại cương	M	CLO1: Phân tích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật như: Khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, vai trò, các hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. CLO2: Phân tích được cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nội dung cơ bản của một số ngành luật như: Luật dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Phòng chống tham nhũng. CLO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của Luật dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính để xử lý được các tình huống trong thực tiễn.
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	CLO1: Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. CLO2: Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. CLO3: Giải thích được các vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. CLO4: Vận dụng những kiến thức đã học chủ động xử lý hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M	CLO1: Nhận thức được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. CLO2: Áp dụng được kiến thức đã học để làm rõ ý nghĩa ra đời của Đảng, quá trình thực hiện đường lối đấu tranh giành chính quyền và đường lối giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. CLO3: Phân tích được đường lối về công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới, phát triển kinh tế biển. CLO4: Áp dụng được kiến thức đã học để làm rõ kết quả, ý nghĩa của quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới và phát triển kinh tế biển.
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	CLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh và nhận diện được các quan điểm sai trái. CLO2: Thuyết trình được một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. CLO3: Áp dụng được một số nội dung tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong học tập, công tác; rèn luyện bản thân.
			Luật du lịch	M	CLO1: Phân tích được bộ máy quản lý hành chính nhà nước về du lịch ở Việt Nam CLO2: Giải thích được quy chế pháp lý của những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch: khách du lịch, kinh doanh du lịch, hướng dẫn du lịch, ... CLO3: Phân tích và giải quyết được các tình huống pháp luật nảy sinh trong hoạt động du lịch CLO4: Điều chỉnh được hành vi nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật Du lịch.
			Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	M	CLO1: Phân tích được các khái niệm, quy định cơ bản về chủ quyền lãnh thổ quốc gia
	PI 1.2: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để tiếp cận các vấn đề trong lĩnh vực Địa lí học và ĐLĐL.		Thống kê thực hành	M	CLO1: Trình bày các phương pháp cơ bản của thống kê học, những vấn đề chung về quá trình điều tra, tổng hợp và phân tích thống kê; các phương pháp thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu.
			Địa lý tự nhiên các lục địa	H	CLO1: Trình bày được các vấn đề về vị trí Địa lý, đặc điểm địa chất, địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn và cảnh quan trên mỗi lục địa. CLO2: Luyện tập xác định vị trí của các đối tượng địa lý như địa hình, khoáng sản, thủy văn, ranh giới các đới khí hậu, cảnh quan trên bản đồ. CLO3: Giải thích được vai trò của các nhân tố tự nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội của các lục địa. CLO4: Phân tích được các tài liệu, bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để xác định sự phân hoá đặc trưng riêng của các thể tổng hợp địa lý tự nhiên trên từng lục địa.
			Tâm lý học	M	CLO3: Đánh giá và đề xuất được các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu, động cơ, sở thích của du khách trên cơ sở nghiên cứu tâm lý khách du lịch.
			Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	L	CLO1. Trình bày được tên, sự hình thành, phân bố không gian và một số đặc điểm chính của các quốc gia và một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới.
			Cơ sở văn hoá Việt Nam	M	CLO1: Phân biệt được văn hóa với các khái niệm liên quan, trình bày được đặc trưng, chức năng, cấu trúc của văn hóa, lịch sử và không gian văn hóa Việt Nam. CLO2: Trình bày được mối quan hệ của văn hoá đối với hệ thống di tích di sản văn hóa.

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					CLO3: Phân tích những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên các phương diện đời sống vật chất, tinh thần, từ đó nhận diện vấn đề giao lưu văn hóa, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.
			Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam	M	CO1: Có kiến thức về đặc trưng văn hoá và kinh tế của các tộc người ở Việt Nam trên tất cả các mặt: sinh hoạt kinh tế, văn hoá vật chất, nếp sống gia đình và xã hội, văn hoá tinh thần.
			Tài nguyên du lịch	L	CLO1: Phân tích được những vấn đề chung của tài nguyên du lịch: khái niệm, đặc điểm, vai trò.
			Khoa học môi trường đại cương	M	CLO1: Có thể trình bày được các khái niệm môi trường, tài nguyên, phân loại môi trường, phân loại tài nguyên, các chức năng cơ bản của môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu. CLO2: Có thể vận dụng được các nguyên lý sinh thái học vào giải thích mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường. CLO3: Có thể phân tích được các nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên nhiên nhiên và đề xuất được các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
PLO2	Có kiến thức liên quan đến các lĩnh vực chuyên sâu của Địa lí học, vận dụng những tri thức đã học vào việc lý giải, phân tích các vấn đề mang tính thời sự của Địa lí học.	PI 2.1: Vận dụng được các kiến thức của Địa lí KTXH và tự nhiên trong nghiên cứu, và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến Địa lí du lịch.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	M	CLO1: Làm rõ được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Địa lí kinh tế - xã hội. CLO2: Phân tích được mối quan hệ giữa môi trường - tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội loài người, hiện trạng môi trường và phát triển bền vững trên thế giới. CLO3: Phân tích được sự khác biệt không gian và xu hướng của các đặc điểm dân số, sự phân bố dân cư, đặc điểm quần cư, đô thị hóa trên thế giới.
			Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	M	CLO1: Phân tích được các vấn đề chung về phát triển nền kinh tế: nguồn lực, cơ cấu, hệ thống không gian nền kinh tế. CLO2: Phân tích được vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, đặc điểm phân bố không gian và xu hướng phát triển của các ngành kinh tế cơ bản thuộc 3 nhóm ngành kinh tế lớn là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.
			Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO1: Hiểu và nắm vững được công tác chuẩn bị và các nội dung hoạt động kinh tế - du lịch điển hình trên tuyến thực địa CLO3: Giải thích và đánh giá được giá trị các điểm du lịch theo tuyến thực địa và theo lãnh thổ, quan hệ hình thành giữa tự nhiên-kinh tế xã hội ở các điểm du lịch
			Địa lý tự nhiên các lục địa	H	CLO1: Trình bày được các vấn đề về vị trí Địa lý, đặc điểm địa chất, địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn và cảnh quan trên mỗi lục địa. CLO2: Luyện tập xác định vị trí của các đối tượng địa lý như địa hình, khoáng sản, thủy văn, ranh giới các đới khí hậu, cảnh quan trên bản đồ. CLO3: Giải thích được vai trò của các nhân tố tự nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội của các lục địa. CLO4: Phân tích được các tài liệu, bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để xác định sự phân hoá đặc trưng riêng của các thể tổng hợp địa lý tự nhiên trên từng lục địa.
			Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	M	CLO1: Mô tả các nguồn lực tự nhiên và dân cư xã hội. CLO2: Trình bày được khái niệm, vai trò, đặc điểm, cơ cấu, những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển của nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế. CLO3: Giải thích được các quy luật, chiến lược phát triển, quá trình thay đổi nền kinh tế nước ta phân theo các vùng kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					CLO4: Phát hiện những thuận lợi và khó khăn chủ yếu trong phát kinh tế xã hội của từng vùng, đặc biệt là khai thác thế mạnh trong phát triển về du lịch.
			Địa lý du lịch Việt Nam	M	CLO1: Mô tả được các khái niệm và đối tượng liên quan đến địa lý du lịch CLO2: Giải thích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của du lịch cũng như sự phân hóa các vùng du lịch của nước ta CLO3: Chỉ ra được các nguồn tài nguyên ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch Việt Nam
			Du lịch biển đảo Việt Nam	M	CLO1: Trình bày khái quát về biển đảo và vai trò của biển đảo đối với phát triển kinh tế nước ta. CLO2: Tổng hợp được các thế mạnh, hạn chế về biển đảo và du lịch biển đảo trong phát triển kinh tế xã hội Việt Nam. CLO3: Đánh giá mối liên hệ giữa tiềm năng và thực trạng phát triển ngành du lịch biển đảo nước ta. CLO4: Đề xuất các giải pháp phát triển du lịch biển đảo theo hướng bền vững.
			Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	M	CLO 2. Giải thích được vai trò của các nguồn lực tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và du lịch ở các châu lục, khu vực và quốc gia tiêu biểu. CLO 3. Phân tích được tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới và du lịch ở trên thế giới, khu vực và một số quốc gia tiêu biểu. CLO 4. Đánh giá được thuận lợi, khó khăn, một số vấn đề của nền kinh tế - xã hội và du lịch trong bối cảnh hiện nay đối với thế giới, các châu, khu vực và một số quốc gia tiêu biểu.
			Quy hoạch du lịch	M	CLO1: Đánh giá, phân tích được thực trạng và đề xuất được giải pháp phát triển du lịch ở các địa phương và vùng miền.
			Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam	L	CLO2: Phân tích, tổng hợp và thảo luận về đặc trưng văn hoá và kinh tế của các tộc người Việt Nam
			Hệ thống thông tin địa lý	L	CLO1: Nhận biết các thành phần và nguyên lí hoạt động của một hệ thống thông tin địa lí.
			Tài nguyên du lịch	H	CLO1: Phân tích được những vấn đề chung của tài nguyên du lịch: khái niệm, đặc điểm, vai trò. CLO2: Phân tích được đặc điểm, giá trị của từng loại tài nguyên du lịch. CLO3: Đánh giá được các điểm tài nguyên tại địa phương theo các phương pháp định lượng. CLO4: Phân tích được tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch.
			Tổng quan du lịch	M	CLO1: Nắm vững được các nội dung và ý nghĩa về du lịch, địa lý du lịch. CLO2: Hiểu được các nhân tố tài nguyên, kinh tế-chính trị-xã hội, hạ tầng-kỹ thuật ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. CLO4: Giải thích được các hiện tượng và bản chất của ở một điểm đến du lịch.
			Địa lý du lịch thế giới	M	CLO1: Biết được những nội dung kiến thức căn bản của địa lý du lịch thế giới. CLO2: Giải thích được các nhân tố quan trọng đối với việc phát triển du lịch thế giới. CLO5: Phân tích và dự báo được khả năng phát triển của du lịch Việt Nam trong vùng du lịch Châu Á – Thái Bình Dương và khu vực Đông Nam Á.

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Địa lý tự nhiên đại cương 1	M	CLO1: Phân tích được đặc điểm, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, lịch sử phát triển của khoa học địa lí. CLO2: Giải thích được sự hình thành Trái Đất, những vận động của Trái đất và các hệ quả tạo ra. CLO3: Phân tích được các quá trình địa động lực học bao gồm cả các quá trình nội sinh và ngoại sinh. CLO4: Phân tích được đặc điểm của các dạng địa hình nội sinh và ngoại sinh trên bề mặt Trái đất.
			Địa lý tự nhiên đại cương 2	M	CLO1: Giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra trong tầng thấp của khí quyển như bức xạ, nhiệt độ, mây, mưa, khí áp, gió. CLO2: Giải thích được sự phân bố chung của nước, cân bằng nước, nước lục địa, nước biển và đại dương. CLO3: Phân tích được các nhân tố hình thành khí hậu, các đới khí hậu trên Trái Đất và các nhân tố hình thành dòng chảy sông ngòi. CLO4: Có kỹ năng đọc một số bản đồ về khí quyển và thủy quyển; kỹ năng thực hành thu thập, phân tích và xử lý số liệu khí hậu - thủy văn phục vụ giảng dạy, nghiên cứu hiệu quả.
			Địa lý tự nhiên Việt Nam	H	CLO1: Xác định được những vấn đề cơ bản của lãnh thổ Việt Nam, vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ và lịch sử hình thành, phát triển của tự nhiên Việt Nam. CLO2: Phân tích được đặc điểm và mối quan hệ của các thành phần của tự nhiên Việt Nam, từ địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn đến thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam. CLO3: Giải thích được sự phân hóa các khu vực địa lý tự nhiên Việt Nam. CLO4: Hình thành được các kỹ năng vẽ và phân tích được các bản đồ, biểu đồ, phân tích bảng số liệu, sử dụng thành thạo Atlas Địa lí Việt Nam.
			Thực tập nghề nghiệp du lịch	M	CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học và sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp du lịch hoặc đại lý lữ hành như: phân tích nhu cầu thị trường du lịch, thực hiện công tác sale tour, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ và lợi nhuận của doanh nghiệp... CLO2: Thực hiện được một phần công tác hướng dẫn du lịch, điều hành tour, nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn ... CLO3: Thiết kế được chương trình du lịch nội địa. CLO4: Xử lý và phân tích được số liệu, dữ liệu trong thiết kế và điều hành chương trình du lịch.
			Thực tập tốt nghiệp	M	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành về Địa lí học và du lịch trong các công việc được giao tại cơ sở thực tập. CLO2: Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện. CLO3: Thể hiện thái độ ham học hỏi, tinh thần cầu tiến, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm trong công việc. CLO4: Phát triển kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường làm việc tại cơ sở thực tập.
			Du lịch cộng đồng - Homestay	M	CLO 1: Mô tả được hình thức du lịch cộng đồng và du lịch homestay trong sự phát triển của ngành du lịch. CLO 2: Tổng hợp lại những điều kiện phát triển DLCD, những tác động của DLCD đến sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.
			Thực địa tuyến điểm du lịch	H	CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học về du lịch để nghiên cứu thực tế tình hình phát triển du lịch và những vấn đề đặt ra trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của địa phương và vùng. CLO2: Kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị những nội dung phân công trước khi đi, trong quá trình khảo sát và trình bày kết



Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					<p>quả sau đợt thực tế.  CLO3: Kỹ năng quan sát, thu thập, hệ thống và xử lý số liệu, dữ liệu từ thực tế, phân tích và xây dựng các biểu đồ, bản đồ.  CLO4: Kỹ năng viết báo cáo ngắn thực địa, xây dựng đề cương nghiên cứu về du lịch tại địa phương.</p>
			Tổng quan ngành lưu trú	M	<p>CLO1: Nắm vững được các nội dung và ý nghĩa về ngành lưu trú.  CLO2: Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển ngành lưu trú của thế giới và Việt Nam.</p>
			Địa danh học và địa danh Việt Nam	M	<p>CLO1: Nắm vững được các kiến thức tổng quan và các phương pháp nghiên cứu khoa học địa danh.  CLO2: Hiểu được vai trò và mối quan hệ liên ngành giữa văn hóa học, lịch sử học và địa lý học có ảnh hưởng đến sự hình thành, thay đổi và phát triển địa danh.  CLO3: Giải thích được nguyên tắc đặt tên và các quy luật làm biến đổi địa danh.</p>
			Du lịch văn hoá	M	<p>CLO1. Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến du lịch văn hóa: Khái niệm du lịch, du lịch văn hóa, văn hóa du lịch. Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch.  CLO2. Phân loại được các dạng tài nguyên du lịch văn hóa và cách nhận diện các giá trị văn hóa.  CLO3. Phân tích được thực trạng về tài nguyên và khai thác du lịch văn hóa ở Việt Nam.  CLO4: Đánh giá được thuận lợi và khó khăn về tài nguyên du lịch văn hóa nhằm đưa ra định hướng khai thác du lịch văn hóa trong bối cảnh hiện nay.</p>
			Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	M	<p>CLO1: Biết được các khái niệm tiếng Anh về du lịch và địa lý du lịch.  CLO2: Giải thích được một số thuật ngữ phổ biến của tiếng Anh chuyên ngành du lịch.  CLO3: Có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành du lịch bằng tiếng Anh.</p>
		PI 2.2: Áp dụng các kỹ năng địa lý (bao gồm kỹ năng bản đồ, biểu đồ, xử lý và phân tích số liệu...) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	M	CLO5: Thu thập, phân tích được số liệu, dữ liệu kinh tế - xã hội và thể hiện trong bản đồ, biểu đồ hoặc các báo cáo kinh tế - xã hội.
			Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	M	CLO3: Có các kỹ năng Địa lý cần thiết như thu thập, xử lý và phân tích số liệu, kỹ năng bản đồ - biểu đồ....
			Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO2: Áp dụng được các kỹ năng trong việc thu thập, phân tích, xử lý số liệu; Xây dựng được các biểu đồ, bản đồ; Biết cách viết báo cáo thực địa
			Địa lý tự nhiên các lục địa	H	<p>CLO1: Trình bày được các vấn đề về vị trí Địa lý, đặc điểm địa chất, địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn và cảnh quan trên mỗi lục địa.  CLO2: Luyện tập xác định vị trí của các đối tượng địa lý như địa hình, khoáng sản, thủy văn, ranh giới các đới khí hậu, cảnh quan trên bản đồ.  CLO3: Giải thích được vai trò của các nhân tố tự nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội của các lục địa.  CLO4: Phân tích được các tài liệu, bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để xác định sự phân hoá đặc trưng riêng của các thể tổng hợp địa lý tự nhiên trên từng lục địa.</p>
			Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	M	CLO5: Phân tích được các bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu liên quan đến các nhóm ngành và các vùng kinh tế.

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Tài nguyên du lịch	H	CLO1: Phân tích được những vấn đề chung của tài nguyên du lịch: khái niệm, đặc điểm, vai trò. CLO2: Phân tích được đặc điểm, giá trị của từng loại tài nguyên du lịch. CLO3: Đánh giá được các điểm tài nguyên tại địa phương theo các phương pháp định lượng. CLO4: Phân tích được tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch. CLO5: Có kỹ năng điều tra, phân tích, tổng hợp dữ liệu tại các điểm tài nguyên ngoài thực tế
			Tuyến điểm du lịch Việt Nam	M	CLO1: Hiểu được thế nào là một tuyến - điểm du lịch. Phân tích các điều kiện để một tuyến điểm được công nhận là tuyến điểm du lịch quốc gia, địa phương. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tuyến điểm du lịch. CLO2: Phân tích các điều kiện để thiết kế tuyến điểm du lịch phù hợp với từng loại đối tượng du khách. Trình bày được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên trong việc xây dựng tuyến điểm du lịch
			Du lịch sinh thái	H	CLO1: Đánh giá, phân tích được tiềm năng, thực trạng phát triển và đề xuất các định hướng, giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở các địa phương và vùng miền. CLO2: Quản lý được các tác động ở các khu du lịch sinh thái CLO3: Vận dụng được các quy trình, các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường, cũng như quản lý được các tác động ở các khu du lịch sinh thái. Lập, quy hoạch và thiết kế được một khu du lịch sinh thái.
			Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	M	CLO2: Xây dựng được các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường trong du lịch CLO3: Xây dựng được báo cáo đánh giá tác động môi trường trong du lịch CLO5: Thâm định được báo cáo tác động môi trường trong du lịch và giám sát được các tác động môi trường cho một dự án du lịch cụ thể
			Khoá luận tốt nghiệp	M	<i>CLO1: Hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học để gắn liền với thực tế CLO2: Có kỹ năng thu thập đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch CLO3: Phân tích, đánh giá các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu. CLO4: Nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu theo mục tiêu đề tài đã đặt ra với mức độ chi tiết sâu, phản ánh đúng thực tế của vấn đề và có khả năng áp dụng thực tiễn.</i>
			Bản đồ học chuyên đề	M	<i>CLO1: trình bày những kiến thức cơ bản về bản đồ chuyên đề, bản đồ chuyên đề du lịch, những nguyên tắc thành lập bản đồ CLO2: Phân tích được các đặc điểm của bản đồ. Các yếu tố hình thành tờ bản đồ và phân loại được bản đồ địa lí CLO3: Vận dụng được kiến thức về cơ sở toán học, hệ thống kí hiệu của bản đồ để lựa chọn lưới chiếu và phương pháp thể hiện nội dung, các phương pháp tổng quát hóa trên các chuyên đề CLO4: Sử dụng bản đồ du lịch nhằm giúp cho sinh viên sử dụng được các loại bản đồ du lịch trong quá trình học tập và thực tế.</i>
<b>PLO3</b>	Có kiến thức chuyên sâu về	PI3.1. Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành liên	Kinh tế du lịch	M	CLO1: Trình bày được các đặc điểm cơ bản của các ngành kinh doanh trong du lịch CLO2: Phân tích được đặc trưng của cung - cầu du lịch và mối quan hệ giữa chúng trong sự hình thành thị trường du lịch CLO3: Phân tích được tác động của việc phát triển du lịch tới kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường. CLO4: Đánh giá được thực trạng và hiệu quả kinh tế của các hoạt động kinh doanh du lịch

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
chuyên ngành Địa lí du lịch và kiến thức nghiệp vụ liên quan đến du lịch, vận dụng lý luận và nghiệp vụ vào những trường hợp thực tiễn cụ thể.	quan đến Địa lí du lịch trong công việc và trong hoạt động nghiên cứu.		Thực địa Địa lí du lịch	M	CLO1: Hiểu và nắm vững được công tác chuẩn bị và các nội dung hoạt động kinh tế - du lịch điển hình trên tuyến thực địa CLO3: Giải thích và đánh giá được giá trị các điểm du lịch theo tuyến thực địa và theo lãnh thổ, quan hệ hình thành giữa tự nhiên-kinh tế xã hội ở các điểm du lịch
			Thống kê thực hành	L	CLO3: Ứng dụng các phần mềm thống kê để tổ chức cơ sở dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; tính toán các đại lượng thống kê, ước lượng và kiểm định thống kê.
			Tâm lý học	M	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về tâm lý của khách du lịch để tổ chức hoạt động du lịch hiệu quả CLO2: Lựa chọn và sử dụng được một số thang đo vào việc nghiên cứu tâm lý của khách du lịch
			Lịch sử văn minh thế giới	M	CLO1: Phân tích được cơ sở hình thành và những thành tựu văn minh tiêu biểu của các trung tâm văn minh thế giới qua các thời kì lịch sử CLO2: Lý giải được sự liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử đến tiến trình phát triển của các trung tâm văn minh thế giới qua các thời kì CLO3: Phân tích được quá trình chuyển dịch vị thế của mỗi nền văn minh và sự giao lưu, tiếp biến, học hỏi giữa các nền văn minh trên thế giới CLO4: Đánh giá được những đóng góp của các nền văn minh đối với sự phát triển của văn minh nhân loại
			Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	L	CLO6: Đánh giá mối tương quan giữa ngành du lịch với các ngành kinh tế khác trong từng khu vực cụ thể.
			Địa lý du lịch Việt Nam	L	CLO4: Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của từng vùng du lịch đến sự phát triển của ngành du lịch nước ta
			Du lịch biển đảo Việt Nam	L	CLO1: Trình bày khái quát về biển đảo và vai trò của biển đảo đối với phát triển kinh tế nước ta. CLO2: Tổng hợp được các thế mạnh, hạn chế về biển đảo và du lịch biển đảo trong phát triển kinh tế xã hội Việt Nam. CLO3: Đánh giá mối liên hệ giữa tiềm năng và thực trạng phát triển ngành du lịch biển đảo nước ta. CLO4: Đề xuất các giải pháp phát triển du lịch biển đảo theo hướng bền vững.
			Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	M	CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm tín ngưỡng, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam CLO2: Trình bày được kiến thức liên quan đến du lịch tôn giáo và tín ngưỡng CLO3: Thực hành xây dựng chương trình du lịch liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng
			Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	L	CLO 5. Vận dụng được kỹ năng bản đồ, biểu đồ, kỹ năng tìm kiếm, xử lí và phân tích dữ liệu, số liệu thống kê về kinh tế - xã hội và du lịch từ các nguồn nghiên cứu trong nước và quốc tế.
			Tài nguyên du lịch	M	CLO3: Đánh giá được các điểm tài nguyên tại địa phương theo các phương pháp định lượng. CLO4: Phân tích được tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch.
			Tổng quan du lịch	M	CLO3: Vận dụng được kiến thức về thị trường và hoạt động kinh tế (cung và cầu) của du lịch trong thực tế.
Thực tập nghề nghiệp du lịch	M	CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học và sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp du lịch hoặc đại lý lữ hành như: phân tích nhu cầu thị trường du lịch, thực hiện công tác sale tour, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ và lợi nhuận của doanh nghiệp... CLO2: Thực hiện được một phần công tác hướng dẫn du lịch, điều hành tour, nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn ...			

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					CLO3: Thiết kế được chương trình du lịch nội địa. CLO4: Xử lý và phân tích được số liệu, dữ liệu trong thiết kế và điều hành chương trình du lịch.
			Marketing du lịch	H	CLO1: Nhớ được các kiến thức tổng quan về marketing và marketing du lịch CLO4: Đánh giá được tính hiệu quả và phù hợp của các chiến lược marketing trong du lịch. CLO5: Đề xuất được các chính sách thực thi marketing hiệu quả trong hoàn cảnh thực tế ở doanh nghiệp. CLO6: Xây dựng được các kĩ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kĩ năng hoạt động nhóm CLO7: Vận dụng thông thạo một số phần mềm hỗ trợ cho xây dựng kế hoạch Marketing du lịch.
			Thực tập tốt nghiệp	H	CLO2: Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện. CLO3: Thể hiện thái độ ham học hỏi, tinh thần cầu tiến, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm trong công việc. CLO5: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở thực tập sau quá trình thực tập
			Quy hoạch du lịch	M	CLO2: Sử dụng được các phương pháp định lượng để phân tích nhu cầu thị trường du lịch (nhu cầu của khách du lịch, nhu cầu cơ sở vật chất phục vụ du lịch, nhu cầu lao động, nhu cầu đầu tư, nhu cầu lựa chọn các loại hình du lịch)
			Khoa học môi trường đại cương	M	CLO1: Có thể trình bày được các khái niệm môi trường, tài nguyên, phân loại môi trường, phân loại tài nguyên, các chức năng cơ bản của môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu. CLO4: Phân tích được mô hình phát triển bền vững và các mục tiêu của phát triển bền vững CLO5: Có ý thức trong gìn giữ các tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường góp phần phát triển bền vững
			Phát triển du lịch bền vững	M	CLO1: Phân tích được các vấn đề liên quan đến Du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững, phát triển du lịch bền vững CLO2: Phân tích được đặc điểm phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm như bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. CLO3: Phân tích được những định hướng và các công cụ để tăng cường du lịch bền vững. CLO4: Đánh giá và đề xuất được những vấn đề phát triển bền vững tại các điểm du lịch.
			Hệ thống thông tin địa lý	H	CLO2: Sử dụng phần mềm GIS để thu thập, lưu trữ, quản lý, phân tích, xử lý, truy vấn và trình bày dữ liệu của hệ thống thông tin địa lý (GIS).
			Khoá luận tốt nghiệp	H	<i>CLO1: Hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học để gắn liền với thực tế CLO2: Có kĩ năng thu thập đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch</i>
			Thực địa tuyến điểm du lịch	M	<i>CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học về du lịch để nghiên cứu thực tế tình hình phát triển du lịch và những vấn đề đặt ra trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của địa phương và vùng. CLO2: Kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị những nội dung phân công trước khi đi, trong quá trình khảo sát và trình bày kết quả sau đợt thực tế. CLO3: Kỹ năng quan sát, thu thập, hệ thống và xử lý số liệu, dữ liệu từ thực tế, phân tích và xây dựng các biểu đồ, bản đồ.</i>
			Thanh toán quốc tế	M	<i>CLO1: Hiểu được khái niệm, đặc điểm của hoạt động thanh toán quốc tế hay hoạt động thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền tệ cho các hàng hóa và dịch vụ có yếu tố nước ngoài, vai trò thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương CLO2: Biết các cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế, các phương tiện và phương thức thanh toán</i>

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					<p>quốc tế, các loại chứng từ thanh toán quốc tế</p> <p>CLO3: Vận dụng được các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại chủ yếu dùng trong thanh toán quốc tế.</p> <p>CLO4: Thấy được vai trò quan trọng của hoạt động thanh toán quốc tế đối với nền kinh tế, hoạt động du lịch</p>
			Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	L	<p>CLO1: Phân tích được các khái niệm, quy định cơ bản về chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>CLO2: Phân tích được sự phát triển của lãnh thổ Việt Nam qua các thời kì</p> <p>CLO3: Xác định được phạm vi lãnh thổ của Việt Nam qua các thời kì</p> <p>CLO4: Giải thích được các sự kiện liên quan đến vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trong lịch sử Việt Nam</p>
			Luật du lịch	M	<p>CLO4: Điều chỉnh được hành vi nghề nghiệp theo đúng quy định của pháp luật Du lịch.</p> <p>CLO6: Tư vấn pháp luật du lịch cho các tổ chức, cá nhân muốn khởi nghiệp trong kinh doanh du lịch hoặc phát triển khu/điểm du lịch</p>
			Văn hoá ẩm thực Việt Nam	M	<p>CLO1: Nêu được hệ thống về văn hóa ẩm thực Việt Nam, quan niệm về ăn uống của người Việt, các đặc điểm nổi bật trong bữa ăn của người Việt</p> <p>CLO2: Phân tích được đặc điểm về tự nhiên, xã hội và văn hoá của các vùng ẩm thực Việt Nam và khả năng khai thác văn hoá ẩm thực Việt vào phát triển du lịch</p> <p>CLO3: Vận dụng các kiến thức về văn hoá ẩm thực để đánh giá về quan niệm ăn uống của người Việt và Thiết kế được một bữa ăn truyền thống phù hợp với các đặc điểm trong văn hoá ẩm thực người Việt.</p>
			Du lịch cộng đồng - Homestay	M	<p>CLO 3: Chỉ ra được mô hình kinh doanh của DLCĐ và du lịch homestay ở Việt Nam và các nước trên thế giới.</p> <p>CLO 4: Phân tích mối quan hệ giữa du lịch cộng đồng và homestay.</p> <p>CLO 5: Lập được kế hoạch xây dựng tour du lịch cộng đồng và homestay trên thực tế.</p>
	PI3.2. Rèn luyện và vận dụng các kỹ năng nghiệp vụ du lịch bao gồm nghiệp vụ khách sạn, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện du lịch và các lĩnh vực liên quan		Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO4: Có khả năng thực hành nghề nghiệp du lịch, làm việc độc lập và theo nhóm trong hoạt động thực địa du lịch.
			Tâm lý học	M	<p>CLO1: Vận dụng được các kiến thức về tâm lý của khách du lịch để tổ chức hoạt động du lịch hiệu quả</p> <p>CLO2: Lựa chọn và sử dụng được một số thang đo vào việc nghiên cứu tâm lý của khách du lịch</p>
			Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	M	<p>CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về giao tiếp trong nghề du lịch: khái niệm; vai trò, chức năng; phân loại, các phương tiện giao tiếp; nguyên tắc giao tiếp; phong cách giao tiếp, các giai đoạn của quá trình giao tiếp.</p> <p>CLO2: Thực hiện thuần thục các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp gián tiếp trong nghề du lịch</p> <p>CLO3: Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp trong nghề du lịch</p> <p>CLO4: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm.</p>
			Nghiệp vụ khách sạn	M	<p>CLO2: Vận dụng được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn/bar hợp lí, khoa học và đúng tiêu chuẩn quy định.</p> <p>CLO4: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm tại khách sạn</p> <p>CLO5: Tự giác và sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nghề nghiệp khách sạn.</p>
			Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	M	<p>CLO1: Hiểu được khái niệm, vai trò của việc ứng dụng CNTT trong du lịch.</p> <p>CLO2: Sử dụng được các công cụ CNTT gồm: Ứng dụng Microsoft Office, Google Office, các ứng dụng Google Form, Google meet, Goopgle trends, Ứng dụng công nghệ Canvas, Phần mềm thiết kế hình ảnh Market Design, Phần mềm quản lý</p>

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					trong du lịch. CLO3: <i>Vận dụng</i> được các ứng dụng CNTT vào thiết kế bộ nhận dạng thương hiệu, bộ quảng cáo du lịch.
			Quản trị kinh doanh lữ hành	M	CLO1: Phân tích các nhân tố tác động tới hoạt động kinh doanh lữ hành CLO2: Hoạch định các kế hoạch, chiến lược kinh doanh lữ hành phù hợp CLO3: Phân tích cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành CLO4: Hình thành được kỹ năng quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh lữ hành
			Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	M	CLO1: Nắm vững được các kiến thức tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch CLO2: <i>Vận dụng</i> được các kiến thức về hoạt động hướng dẫn du lịch trong việc tổ chức các sự kiện, hướng dẫn viên tại điểm du lịch CLO3: Phân tích được các điều kiện để hoàn thiện nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trong các tình huống khác nhau. CLO4: Đánh giá được tính hiệu quả và phù hợp của hoạt động hướng dẫn du lịch đối với các đối tượng, địa điểm tham quan khác nhau.
			Tổ chức sự kiện du lịch	M	CLO1: Phân tích được vai trò, ý nghĩa của tổ chức sự kiện; đặc điểm của hoạt động tổ chức sự kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện CLO2: Phân tích được các tác động của sự kiện đến môi trường, chính trị, kinh tế, du lịch và văn hóa xã hội. CLO3: <i>Vận dụng</i> kiến thức tổ chức thực hiện được sự kiện và đánh giá sự kiện
			Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	M	CLO1: Hiểu được cơ sở ra đời và tồn tại của các doanh nghiệp lữ hành. CLO2: Hiểu được các đặc điểm của sản phẩm lữ hành để vận dụng vào các hoạt động của doanh nghiệp lữ hành. CLO3: Có khả năng xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch. CLO4: <i>Vận dụng</i> thành thạo các phương pháp tính giá thành và giá bán của một chương trình du lịch trọn gói. CLO5: Thực hiện được các công việc liên quan đến công tác điều hành du lịch
			Tuyển điểm du lịch Việt Nam	M	CLO1: Hiểu được thế nào là một tuyến - điểm du lịch. Phân tích các điều kiện để một tuyến điểm du lịch được công nhận là tuyến điểm du lịch quốc gia, địa phương. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển điểm du lịch. CLO2: Phân tích các điều kiện để thiết kế tuyển điểm du lịch phù hợp với từng loại đối tượng du khách. Trình bày được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên trong việc xây dựng tuyển điểm du lịch
			Địa lý tự nhiên Việt Nam	M	CLO5: <i>Vận dụng</i> được kiến thức Địa lý tự nhiên Việt Nam phục vụ cho các hoạt động liên quan đến hướng dẫn viên du lịch.
			Tổng quan ngành lưu trú	M	CLO3: <i>Vận dụng</i> được kiến thức về thị trường và hoạt động kinh tế của ngành lưu trú trong thực tế.
			Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam	M	CLO1: <i>Hiểu</i> được lý luận về bảo tàng và di tích CLO2: <i>Hiểu</i> được các đặc điểm của bảo tàng và di tích ở Việt Nam CLO3: Có khả năng xây dựng và thực hiện thuyết trình về bảo tàng và di tích. CLO4: <i>Vận dụng</i> thành thạo các quy trình tìm hiểu bảo tàng và di tích
			Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	M	CLO1: <i>Hiểu</i> được lý luận về phong tục tập quán và lễ hội CLO2: <i>Hiểu</i> được các đặc điểm của phong tục tập quán và lễ hội ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
					CLO3: Có khả năng xây dựng và thực hiện thuyết trình về phong tục tập quán và lễ hội. CLO4: Vận dụng thành thạo các quy trình tìm hiểu phong tục tập quán và lễ hội
			Du lịch làng nghề	M	CLO1: Hiểu được lí luận về phong tục tập quán và lễ hội CLO2: Hiểu được các đặc điểm của phong tục tập quán và lễ hội ở Việt Nam CLO3: Có khả năng xây dựng và thực hiện thuyết trình về phong tục tập quán và lễ hội. CLO4: Vận dụng thành thạo các quy trình tìm hiểu phong tục tập quán và lễ hội
PLO4	Có kỹ năng tin học và ngoại ngữ, khả năng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghiên cứu khoa học, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên ngành	PI4.1. Sử dụng ngoại ngữ và tin học trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp du lịch	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	L	CLO4: Kỹ năng cơ bản trong việc thu thập, xử lí, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu nhằm phục vụ cho chuyên ngành
			Lịch sử văn minh thế giới	L	CLO5: Vận dụng được ngoại ngữ để tiếp cận với các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến các nền văn minh trên thế giới
			Hệ thống thông tin địa lý	H	CLO3: Xây dựng được cơ sở dữ liệu GIS phục vụ dạy học và nghiên cứu Địa lí. CLO4: Thực hiện các phân tích GIS để giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến không gian lãnh thổ. Thành lập được bản đồ phục vụ dạy học và nghiên cứu Địa lí.
			Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	H	CLO3: Vận dụng được các ứng dụng CNTT vào thiết kế bộ nhận dạng thương hiệu, bộ quảng cáo du lịch CLO4: Vận dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu marketing, nghiên cứu khảo sát và đánh giá hành vi tiêu dùng của khách du lịch
			Tổng quan du lịch	L	CLO5: Có năng lực phân tích và vận dụng kiến thức du lịch vào thực tiễn sản xuất.
			Địa lý du lịch thế giới	L	CLO3: Thu thập thông tin du lịch thế giới qua tài liệu nước ngoài.
			Địa lý tự nhiên đại cương 1	L	CLO5: Tính toán được một số dạng bài toán liên quan đến các vận động của Trái đất như: ngày giờ, xác định vĩ độ Địa lí, góc nhập xạ, ngày mặt trời lên thiên đỉnh.
			Địa lý tự nhiên đại cương 2	L	CLO5: Vận dụng được kiến thức về khí quyển và thủy quyển để giải thích các hiện tượng khoa học Địa lí vào thực tiễn như hiện tượng hoàng hôn, bình minh, cầu vồng, thủy triều, sóng biển, hải lưu...
			Thực tập tốt nghiệp	H	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành về Địa lí học và du lịch trong các công việc được giao tại cơ sở thực tập. CLO4: Phát triển kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường làm việc tại cơ sở thực tập. CLO5: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở thực tập sau quá trình thực tập CLO6: Thực hiện được kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo chuyên đề.
			Khoá luận tốt nghiệp	H	CLO2: Có kỹ năng thu thập đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch CLO3: Phân tích, đánh giá các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu. CLO5: Nâng cao khả năng viết báo cáo về các vấn đề Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên môi trường và bản đồ - viễn thám của một địa phương, một khu vực cụ thể dưới dạng một đề tài nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
		PI 4.2. Thực hiện được nhiệm vụ cơ bản của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí du lịch	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	M	CLO1: Biết được các khái niệm tiếng Anh về du lịch và địa lý du lịch. CLO2: Giải thích được một số thuật ngữ phổ biến của tiếng Anh chuyên ngành du lịch. CLO3: Có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành du lịch bằng tiếng Anh. CLO5: Vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp du lịch.
			Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	L	CLO1: Xác định vấn đề nghiên cứu khả thi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và đặt tên đề tài phù hợp. CLO2: Lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Địa lí du lịch. CLO3: Có kỹ năng xây dựng được đề cương nghiên cứu, viết và trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh theo cấu trúc của một nghiên cứu khoa học, lập luận và bảo vệ được sản phẩm nghiên cứu khoa học. CLO4: Kỹ năng cơ bản trong việc thu thập, xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu nhằm phục vụ cho chuyên ngành. CLO5: Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học, tinh thần say mê học hỏi khám phá nghiên cứu các vấn đề của chuyên ngành Địa lí du lịch trong thực tiễn cuộc sống.
			Thông kê thực hành	M	CLO2: Vận dụng lý thuyết thống kê trong lĩnh vực kinh tế-xã hội
			Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	L	CLO7: Phát triển được các kiến thức địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại trong nghiên cứu địa lí học và địa lí du lịch.
			Hệ thống thông tin địa lý	H	CLO3: Xây dựng được cơ sở dữ liệu GIS phục vụ dạy học và nghiên cứu Địa lí. CLO4: Thực hiện các phân tích GIS để giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến không gian lãnh thổ. Thành lập được bản đồ phục vụ dạy học và nghiên cứu Địa lí.
			Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	H	CLO2: Sử dụng được các công cụ CNTT gồm: Ứng dụng Microsoft Office, Google Office, các ứng dụng Google Form, Google meet, Goopgle trends, Ứng dụng công nghệ Canvas, Phần mềm thiết kế hình ảnh Market Design, Phần mềm quản lý trong du lịch.
			Bản đồ học chuyên đề	M	CLO4: Sử dụng bản đồ du lịch nhằm giúp cho sinh viên sử dụng được các loại bản đồ du lịch trong quá trình học tập và thực tế
			Địa danh học và địa danh Việt Nam	L	CLO4: Có khả năng phân loại và phân vùng cũng như ý nghĩa của địa danh Việt Nam.
			PLO5	Có trách nhiệm với công việc, với bản thân, gia đình, bạn bè	PI 5.1. Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp du lịch; Có trách
Thực địa Địa lý du lịch	H	CLO5: Hình thành được tình cảm với quê hương đất nước gắn với trách nhiệm nghề nghiệp sau này			
Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam	M	CLO4: Có tinh thần và thái độ yêu nước, đoàn kết dân tộc, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hoá.			



Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI	
và đồng nghiệp của mình, tự tin, thích nghi với sự thay đổi, tính sẵn sàng và khả năng tư duy, sáng tạo; có tầm nhìn trong cuộc sống, mạnh dạn đương đầu với khó khăn, thử thách	nhiệm với công việc, với bản thân, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của mình		Thực tập nghề nghiệp du lịch	L	CLO2: Thực hiện được một phần công tác hướng dẫn du lịch, điều hành tour, nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn ... CLO7: Hình thành phẩm chất đạo đức trong công việc: trung thực, nghiêm túc, cầu thị,... CLO8: Có khả năng khởi nghiệp liên quan đến lĩnh vực du lịch	
			Thực tập tốt nghiệp	M	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành về Địa lí học và du lịch trong các công việc được giao tại cơ sở thực tập. CLO5: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở thực tập sau quá trình thực tập CLO6: Thực hiện được kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo chuyên đề. CLO7: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo liên quan đến lĩnh vực thực tập tốt nghiệp về nghiệp vụ lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện.	
			Thực địa tuyển điểm du lịch	M	CLO3: Kỹ năng quan sát, thu thập, hệ thống và xử lý số liệu, dữ liệu từ thực tế, phân tích và xây dựng các biểu đồ, bản đồ. CLO4: Kỹ năng viết báo cáo ngắn thực địa, xây dựng đề cương nghiên cứu về du lịch tại địa phương. CLO5: Củng cố tình yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trước yêu cầu đổi mới của đất nước.	
			Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	M	CLO6: Thể hiện được ý thức tôn trọng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia	
	PI 5.2. Khả năng thích nghi với sự thay đổi, tính sẵn sàng và khả năng tư duy, sáng tạo; có tầm nhìn trong cuộc sống, mạnh dạn đương đầu với khó khăn, thử thách			Tin học đại cương	H	CLO1: Sử dụng và quản lý được máy tính, các dịch vụ phổ biến trên môi trường internet; kiểm soát được các vấn đề an toàn thông tin cơ bản. CLO2: Định dạng và thực hiện được các thao tác cơ bản và nâng cao khi soạn thảo văn bản. CLO3: Tạo lập, định dạng được bảng tính và thực hiện được tính toán, thống kê có sử dụng các hàm cơ bản và nâng cao, lồng nhau, công thức mảng, hàm dữ liệu; thống kê được dưới dạng đồ thị. CLO4: Thiết kế và xây dựng được bài trình chiếu đẹp, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản và có một số tính năng nâng cao. CLO5: Thực hiện được in ấn, chia sẻ và bảo mật văn bản, bảng tính và bài trình chiếu. CLO6: Hợp tác được với các thành viên trong nhóm để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu.
				Tâm lý học	L	CLO4: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch dựa trên nghiên cứu tâm lý của du khách.
				Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	L	CLO4: Phát triển kỹ năng thích ứng với nhiều hoàn cảnh nghề nghiệp và đặc điểm tôn giáo tín ngưỡng
				Quản trị kinh doanh lữ hành	L	CLO5: Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp CLO6: Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm
				Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	L	CLO6: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phối hợp nhóm trong thiết kế và điều hành các chương trình du lịch
				Tuyển điểm du lịch Việt Nam	M	CLO3: kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và thuyết trình vấn đề, đặc biệt rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản về xây dựng tuyển, điểm du lịch và kỹ năng thuyết minh tuyển, điểm.
				Du lịch sinh thái	L	CLO5: Thuyết trình, hướng dẫn được khách du lịch tại các tuyến, điểm du lịch sinh thái

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	M	CLO3: Xây dựng được báo cáo đánh giá tác động môi trường trong du lịch
			Văn hoá ẩm thực Việt Nam	M	CLO3: Vận dụng các kiến thức về văn hoá ẩm thực để đánh giá về quan niệm ăn uống của người Việt và Thiết kế được một bữa ăn truyền thống phù hợp với các đặc điểm trong văn hoá ẩm thực người Việt. CLO4: Có khả năng thuyết trình, phân biện, xử lý tình huống, tư duy sáng tạo. CLO5: Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống văn hoá ẩm thực của dân tộc
			Khoá luận tốt nghiệp	M	CLO2: Có kỹ năng thu thập đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch CLO3: Phân tích, đánh giá các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu.
PLO6	Có kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường làm việc hợp tác; kỹ năng phân biện, hùng biện, quản lí nhóm và huy động sức mạnh tập thể; kỹ năng giao tiếp trong	PI 6.1. Kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường làm việc hợp tác	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	M	CLO4: Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.
			Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	M	CLO4: Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.
			Kinh tế du lịch	M	CLO5: Tham gia hợp tác làm việc nhóm hiệu quả thông qua việc giải quyết các bài tập và thảo luận các vấn đề kinh tế du lịch.
			Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO4: Có khả năng thực hành nghề nghiệp du lịch, làm việc độc lập và theo nhóm trong hoạt động thực địa du lịch.
			Thông kê thực hành	M	CLO4: Có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp, có khả năng làm việc nhóm.
			Thực tập nghề nghiệp du lịch	H	CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học và sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để thực hành nghề nghiệp tại doanh nghiệp du lịch hoặc đại lý lữ hành như: phân tích nhu cầu thị trường du lịch, thực hiện công tác sale tour, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ và lợi nhuận của doanh nghiệp... CLO3: Thiết kế được chương trình du lịch nội địa. CLO4: Xử lí và phân tích được số liệu, dữ liệu trong thiết kế và điều hành chương trình du lịch. CLO5: Có kỹ năng giao tiếp và phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động du lịch tại các cơ sở thực hành nghề nghiệp CLO6: Kỹ năng viết, trình bày và bảo vệ báo cáo thực tập nghề nghiệp du lịch CLO7: Hình thành phẩm chất đạo đức trong công việc: trung thực, nghiêm túc, cầu thị,...
			Thực tập tốt nghiệp	H	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành về Địa lí học và du lịch trong các công việc được giao tại cơ sở thực tập. CLO3: Thể hiện thái độ ham học hỏi, tinh thần cầu tiến, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm trong công việc. CLO4: Phát triển kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong môi trường làm việc tại cơ sở thực

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
	quá trình học tập, làm việc và hợp tác công việc chuyên môn.				tập. CLO5: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở thực tập sau quá trình thực tập
			Quản trị kinh doanh lễ hành	M	CLO7: Vận dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm tư liệu học tập, thuyết trình, báo cáo
			Tin học đại cương	L	CLO3: Tạo lập, định dạng được bảng tính và thực hiện được tính toán, thống kê có sử dụng các hàm cơ bản và nâng cao, lồng nhau, công thức mảng, hàm dữ liệu; thống kê được dưới dạng đồ thị. CLO4: Thiết kế và xây dựng được bài trình chiếu đẹp, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản và có một số tính năng nâng cao. CLO5: Thực hiện được in ấn, chia sẻ và bảo mật văn bản, bảng tính và bài trình chiếu. CLO6: Hợp tác được với các thành viên trong nhóm để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu.
			Địa lý tự nhiên các lục địa	M	CLO5: Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.
			Tâm lý học	M	CLO3: Đánh giá và đề xuất được các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu, động cơ, sở thích của du khách trên cơ sở nghiên cứu tâm lý khách du lịch. CLO4: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch dựa trên nghiên cứu tâm lý của du khách.
			Lịch sử văn minh thế giới	M	CLO6: Làm việc độc lập và theo nhóm thông qua thảo luận và trình bày các vấn đề liên quan đến những thành tựu và đóng góp của các trung tâm văn minh thế giới qua các thời kì lịch sử khác nhau
			Địa lý du lịch Việt Nam	M	CLO5: Phát triển các kỹ năng tự học, tổ chức thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả
			Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam	L	CLO3: Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.
			Phát triển du lịch bền vững	L	CLO5: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, sáng tạo và làm việc nhóm hiệu quả và tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.
			Tổ chức sự kiện du lịch	L	CLO4: Có kỹ năng thuyết trình, ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo liên quan đến tổ chức sự kiện và làm việc nhóm hiệu quả.
			Khoa học môi trường đại cương	M	CLO6: Có thể làm việc theo nhóm hiệu quả
			Địa lý du lịch thế giới	M	CLO4: Nắm vững và so sánh được tình hình phát triển du lịch tại các Vùng du lịch.
			Địa lý tự nhiên Việt Nam	M	CLO6: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả thông qua việc chuẩn bị/thảo luận/thuyết trình nhóm về những nội dung cụ thể trong học phần.
			Du lịch cộng đồng - Homestay	M	CLO 6: Phát triển khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập, nghiên cứu

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Thực địa tuyến điểm du lịch	H	CLO1: Vận dụng được những kiến thức đã học về du lịch để nghiên cứu thực tế tình hình phát triển du lịch và những vấn đề đặt ra trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của địa phương và vùng. CLO2: Kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị những nội dung phân công trước khi đi, trong quá trình khảo sát và trình bày kết quả sau đợt thực tế. CLO3: Kỹ năng quan sát, thu thập, hệ thống và xử lý số liệu, dữ liệu từ thực tế, phân tích và xây dựng các biểu đồ, bản đồ. CLO4: Kỹ năng viết báo cáo ngắn thực địa, xây dựng đề cương nghiên cứu về du lịch tại địa phương.
			Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	L	CLO4: Có năng lực tự chủ và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.
	PI 6.2. Kỹ năng phân biệt, hùng biện, quản lý nhóm và huy động sức mạnh tập thể; kỹ năng giao tiếp trong quá trình học tập, làm việc và hợp tác công việc chuyên môn		Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	M	CLO4: Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.
			Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	M	CLO4: Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình nhằm truyền đạt vấn đề đến người khác.
			Kinh tế du lịch	M	CLO5: Tham gia hợp tác làm việc nhóm hiệu quả thông qua việc giải quyết các bài tập và thảo luận các vấn đề kinh tế du lịch.
			Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO4: Có khả năng thực hành nghề nghiệp du lịch, làm việc độc lập và theo nhóm trong hoạt động thực địa du lịch.
			Tâm lý học	M	CLO3: Đánh giá và đề xuất được các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu, động cơ, sở thích của du khách trên cơ sở nghiên cứu tâm lý khách du lịch. CLO4: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động du lịch dựa trên nghiên cứu tâm lý của du khách.
			Địa lý du lịch Việt Nam	M	CLO5: Phát triển các kỹ năng tự học, tổ chức thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả
			Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	M	CLO5: Tự giác và sáng tạo trong quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nghề du lịch
			Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	M	CLO6: Xây dựng được các kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hoạt động nhóm CLO7: Vận dụng được các công cụ và mô hình trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
			Tuyến điểm du lịch Việt Nam	M	CLO4: Có ý thức và hành động thiết thực để khai thác, bảo vệ sự bền vững của các tuyến điểm du lịch Việt Nam
			Marketing du lịch	M	CLO6: Xây dựng được các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng hoạt động nhóm

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	M	CLO4: Phân tích được một số nội dung cơ bản về tư tưởng của Hồ Chí Minh, đặc biệt là những sáng tạo về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam của Người.
			Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	L	CLO 6. Rèn luyện được kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình theo các nội dung được phân công.
			Phát triển du lịch bền vững	L	CLO5: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, sáng tạo và làm việc nhóm hiệu quả và tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, các dự án du lịch vì cộng đồng.
			Cơ sở văn hoá Việt Nam	M	CLO4: Có kỹ năng lí giải, thuyết trình các vấn đề trong đời sống xã hội dưới góc nhìn toàn diện, đa chiều. CLO5: Có tư duy phản biện về các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam.
			Du lịch văn hoá	L	CLO5. Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm, xử lí và phân tích dữ liệu, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và nghiên cứu thực địa.
			Luật du lịch	M	CLO6: Tư vấn pháp luật du lịch cho các tổ chức, cá nhân muốn khởi nghiệp trong kinh doanh du lịch hoặc phát triển khu/điểm du lịch
			Tổng quan ngành lưu trú	L	CLO4: Giải quyết các vấn đề về quản lý nhà nước và kinh doanh lưu trú
			Du lịch cộng đồng - Homestay	M	CLO 6: Phát triển khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập, nghiên cứu
			Khoá luận tốt nghiệp	H	CLO1: Hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học để gắn liền với thực tế CLO3: Phân tích, đánh giá các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu. CLO4: Nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu theo mục tiêu đề tài đã đặt ra với mức độ chi tiết sâu, phản ánh đúng thực tế của vấn đề và có khả năng áp dụng thực tiễn.
PLO7	Có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng quy trình thiết kế thực hiện các công việc liên quan	PI 7.1. Khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng quy trình thiết kế thực hiện các công việc liên quan đến chuyên ngành	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	L	CLO1: Xác định vấn đề nghiên cứu khả thi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và đặt tên đề tài phù hợp. CLO2: Lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Địa lí du lịch.
			Thực địa Địa lý du lịch	M	CLO4: Có khả năng thực hành nghề nghiệp du lịch, làm việc độc lập và theo nhóm trong hoạt động thực địa du lịch.
			Nghiệp vụ khách sạn	M	CLO1: Nắm vững được những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ của nhân viên tại các bộ phận phục vụ khách sạn. CLO3: Thực hành giải quyết các tình huống trong nghề khách sạn
			Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	L	CLO5: Có ý tưởng xây dựng các sản phẩm du lịch liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo
			Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	L	CLO5: Đề xuất được các định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cho người học
			Tổ chức sự kiện du lịch	L	CLO4: Có kỹ năng thuyết trình, ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo liên quan đến tổ chức sự kiện và làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
đến chuyên ngành; khả năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp; năng lực sáng tạo, phát triển và thích nghi với những thay đổi trong nghề nghiệp			Thực tập nghề nghiệp du lịch	H	CLO4: Xử lí và phân tích được số liệu, dữ liệu trong thiết kế và điều hành chương trình du lịch. CLO5: Có kĩ năng giao tiếp và phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động du lịch tại các cơ sở thực hành nghề nghiệp CLO6: Kĩ năng viết, trình bày và bảo vệ báo cáo thực tập nghề nghiệp du lịch CLO8: Có khả năng khởi nghiệp liên quan đến lĩnh vực du lịch
			Thực tập tốt nghiệp	H	CLO1: Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên ngành về Địa lí học và du lịch trong các công việc được giao tại cơ sở thực tập. CLO5: Đánh giá được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở thực tập sau quá trình thực tập CLO6: Thực hiện được kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo chuyên đề. CLO7: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo liên quan đến lĩnh vực thực tập tốt nghiệp về nghiệp vụ lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện. CLO8: Sử dụng được ngoại ngữ trong việc thực hành nghề nghiệp về lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện theo yêu cầu của cơ sở thực tập nghề nghiệp.
			Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	H	CLO3: Vận dụng được các ứng dụng CNTT vào thiết kế bộ nhận dạng thương hiệu, bộ quảng cáo du lịch CLO4: Vận dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu marketing, nghiên cứu khảo sát và đánh giá hành vi tiêu dùng của khách du lịch CLO5: Có kỹ năng điều tra khảo sát nghiên cứu Marketing về hành vi tiêu dùng của khách du lịch trên công cụ ứng dụng Google form
			Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	L	CLO7: Có ý tưởng thiết kế các chương trình du lịch và thành lập công ty lữ hành
			<i>Luật du lịch</i>	<i>M</i>	<i>CLO6: Tư vấn pháp luật du lịch cho các tổ chức, cá nhân muốn khởi nghiệp trong kinh doanh du lịch hoặc phát triển khu/điểm du lịch</i>
			<i>Tổng quan ngành lưu trú</i>	<i>M</i>	<i>CLO5: Có năng lực phân tích và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp và sản xuất.</i>
			<i>Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam</i>	<i>L</i>	<i>CLO5: Có khả năng hình thành ý tưởng xây dựng tour ảo về bảo tàng và di tích</i>
			<i>Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam</i>	<i>M</i>	<i>CLO5: Có ý tưởng khai thác các lễ hội phong tục trong xây dựng chương trình du lịch</i>
			<i>Du lịch làng nghề</i>	<i>M</i>	<i>CLO5: Có ý tưởng khai thác các lễ hội phong tục trong xây dựng chương trình du lịch</i>
			<i>Thực địa tuyến điểm du lịch</i>	<i>M</i>	<i>CLO3: Kỹ năng quan sát, thu thập, hệ thống và xử lý số liệu, dữ liệu từ thực tế, phân tích và xây dựng các biểu đồ, bản đồ. CLO4: Kỹ năng viết báo cáo ngắn thực địa, xây dựng đề cương nghiên cứu về du lịch tại địa phương. CLO5: Cùng cố tình yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trước yêu cầu đổi mới của đất nước.</i>
			<i>Du lịch văn hoá</i>	<i>M</i>	<i>CLO6. Xây dựng được kế hoạch khai thác một điểm tài nguyên du lịch văn hóa và chương trình du lịch văn hóa.</i>

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
	PI 7.2. Khả năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp; năng lực sáng tạo, phát triển và thích nghi với những thay đổi trong nghề nghiệp.		Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	L	CLO3: Có kỹ năng xây dựng được đề cương nghiên cứu, viết và trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh theo cấu trúc của một nghiên cứu khoa học, lập luận và bảo vệ được sản phẩm nghiên cứu khoa học. CLO4: Kỹ năng cơ bản trong việc thu thập, xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu nhằm phục vụ cho chuyên ngành.
Pháp luật đại cương			M	CLO4: Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật	
Chủ nghĩa xã hội khoa học			L	CLO5: Hiểu được những hiện thực chính trị- xã hội nảy sinh trong thực tiễn cộng cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.	
Du lịch biển đảo Việt Nam			L	CLO5: Phát triển khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập, nghiên cứu	
Tài nguyên du lịch			L	CLO5: Có kỹ năng điều tra, phân tích, tổng hợp dữ liệu tại các điểm tài nguyên ngoài thực tế CLO6: Phối hợp làm việc nhóm trong quá trình điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch.	
Quy hoạch du lịch			H	CLO3: Xây dựng được đề cương nghiên cứu quy trình lập và thực thi các dự án quy hoạch du lịch. CLO4: Vận dụng được các quy trình lập, quy hoạch và thiết kế cho một dự án du lịch cụ thể ở các địa phương và vùng, miền. CLO5: Thực hiện đánh giá và quản lý được các tác động từ các dự án quy hoạch phát triển du lịch đến tài nguyên môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội ở các địa phương và vùng miền.	
Đánh giá tác động môi trường trong du lịch			H	CLO4: Vận dụng được các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường trong du lịch cho một dự án du lịch cụ thể CLO5: Thẩm định được báo cáo tác động môi trường trong du lịch và giám sát được các tác động môi trường cho một dự án du lịch cụ thể CLO6: Tư vấn xây dựng được báo cáo, thẩm định và giám sát các tác động môi trường cho một dự án du lịch cụ thể	
Du lịch cộng đồng - Homestay			L	CLO 6: Phát triển khả năng tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; tự tin trình bày quan điểm và những kết quả học tập, nghiên cứu	
Địa danh học và địa danh Việt Nam			M	CLO5: Vận dụng được những kiến thức địa danh trong hoạt động hướng dẫn du lịch.	
Khoá luận tốt nghiệp			H	CLO1: Hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học để gắn liền với thực tế CLO3: Phân tích, đánh giá các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu. CLO4: Nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu theo mục tiêu đề tài đã đặt ra với mức độ chi tiết sâu, phân ánh đúng thực tế của vấn đề và có khả năng áp dụng thực tiễn. CLO5: Nâng cao khả năng viết báo cáo về các vấn đề Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế- hội, tài nguyên môi trường và bản đồ - viễn thám của một địa phương, một khu vực cụ thể dưới dạng một đề tài nghiên cứu.	
<b>Mức L</b>			<b>45</b>		
<b>Mức M</b>			<b>119</b>		
<b>Mức H</b>			<b>32</b>		
<b>Tổng</b>			<b>196</b>		

## **4.2. Tóm tắt nội dung các học phần**

### **4.2.1. Khối kiến thức chung**

#### **1. Triết học Mác-Lênin (Mã HP: 21231902)**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1, khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.

#### **2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Mã HP: 21321901)**

Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính:

Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền.

Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **03. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Mã HP: 21221903)**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân. Môn học khái quát về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, làm rõ những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ; Dân chủ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ; Vấn đề dân tộc, Tôn giáo, Gia đình trong chủ nghĩa xã hội.

#### **04. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Mã HP: 21221094)**

Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn



học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

#### **05. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Mã HP: 21321922)**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.

#### **06. Tin học đại cương (Mã HP: 31221885)**

Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các chuyên ngành không chuyên tin học. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint. Học phần này dành cho tất cả sinh viên của trường Đại học Sư phạm, trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin và Sư phạm Tin học.

#### **07. Pháp luật Đại cương (Mã HP: 31621549)**

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành đào tạo đại học, cao đẳng không chuyên ngành luật. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng; giúp sinh viên nắm được lý luận cơ bản về pháp luật để có thể tự tìm hiểu, nghiên cứu các ngành luật cần thiết.

### **13. Thống kê thực hành (Mã HP: 31121765)**

Học phần trình bày các phương pháp cơ bản của thống kê học và sự vận dụng lý thuyết thống kê trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, bao gồm: Giới thiệu tổng quan về thống kê học; Các khái niệm thống kê cơ bản; Những vấn đề chung về quá trình điều tra, tổng hợp và phân tích thống kê; các phương pháp thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu. Ứng dụng các phần mềm thống kê để tổ chức cơ sở dữ liệu thống kê nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; tính toán các đại lượng thống kê, ước lượng và kiểm định thống kê.

### **14. Khoa học môi trường đại cương (Mã HP: 31921337)**

Học phần Khoa học môi trường đại cương bao gồm các nội dung về khoa học môi trường như: Các khái niệm cơ bản về môi trường; Các thành phần cơ bản của môi trường; Các nguyên lý sinh thái học áp dụng vào khoa học môi trường, Dân số học và vấn đề môi trường; Tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường; Phát triển bền vững.

### **15. Tâm lý học (Mã HP: 32031711)**

Học phần Tâm lý khách du lịch trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại về tâm lý du khách. Hệ thống tri thức của môn học này là một trong những cơ sở khoa học quan trọng, để người làm việc trong lĩnh vực kinh doanh du lịch có sự định hướng và thực hiện hoạt động của mình nhằm phù hợp với đặc điểm tâm lý của du khách.

### **16. Lịch sử văn minh thế giới (Mã HP: 31831421)**

Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Cử nhân Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về các nền văn minh của nhân loại như nền văn minh Bắc Phi và Tây Á; Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; Hy Lạp, La Mã và Tây Âu thời cổ trung đại; nền văn minh công nghiệp và nền văn minh thế giới thế kỷ XX. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nội dung lịch sử văn minh thế giới, kỹ năng làm việc nhóm và sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc.

### **17. Cơ sở văn hoá Việt Nam (Mã HP: 31731091)**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các

thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.

### **18. Văn hoá và kinh tế tộc người Việt Nam (Mã HP: 31931954)**

Học phần Địa lý tự nhiên đại cương 1 bao gồm những nội dung về Trái Đất trong vũ trụ, các đặc điểm và các vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lý do các vận động của Trái Đất tạo ra. Môn học văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam sẽ cung cấp cho người học những kiến thức từ nguồn gốc lịch sử, tên gọi, địa bàn cư trú, đặc trưng kinh tế, văn hóa, xã hội của các tộc người ở Việt Nam. Qua đó người học sẽ có được một cách nhìn khái quát chung nhất về bức tranh chung của của các tộc người Việt Nam.

### **19. Hệ thống thông tin địa lý (Mã HP: 31931290)**

Hệ thống thông tin địa lí là học phần chuyên ngành được chia thành 2 phần. Phần 1 đề cập đến hệ thống thông tin Địa lí (GIS) và phần 2 trình bày ứng dụng GIS trong du lịch. Nội dung về hệ thống thông tin Địa lí bao gồm tổng quan về GIS, cấu trúc cơ sở dữ liệu, thu thập dữ liệu và phân tích trong GIS. Đối với nội dung về ứng dụng GIS trong du lịch, học phần tập trung vào những vấn đề chính như: tổng quan về ứng dụng GIS, ứng dụng GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về du lịch, xây dựng bản đồ chuyên đề du lịch, phân tích, truy vấn, tìm kiếm dữ liệu GIS về du lịch.

### **20. Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Mã HP: 31921185)**

Học phần Địa lý tự nhiên đại cương 1 bao gồm những nội dung về Trái Đất trong vũ trụ, các đặc điểm và các vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lý do các vận động của Trái Đất tạo ra. Giới thiệu những vấn đề chung về địa hình, các khái niệm liên quan tới địa hình, nguồn gốc địa hình, các dạng địa hình lục địa và địa hình đáy đại dương, ý nghĩa của việc nghiên cứu địa hình. Đây là cơ sở để người học có thể học tập tốt những phần về Địa lí tự nhiên các lục địa, Địa lí tự nhiên Việt Nam trong chương trình đào tạo.

### **21. Địa lý tự nhiên đại cương 2 (Mã HP: 31921186)**

Học phần Địa lý tự nhiên đại cương 2 bao gồm những nội dung liên quan đến Khí quyển và Thủy quyển. Phần Khí quyển sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thời tiết - khí hậu; Không khí và khí quyển; Bức xạ khí quyển; Chế độ nhiệt của khí quyển; Nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Hoàn lưu khí quyển; Khí hậu và phân vùng khí hậu Trái Đất. Phần Thủy quyển giới thiệu những vấn đề chung về nước trên Trái Đất: các khái niệm chung về nước; các dạng nước lục địa: sông ngòi, hồ đầm, nước dưới đất; nước biển và đại dương, các tính chất lý hóa, các dạng chuyển động của

nước biển và đại dương. Học phần này sẽ giúp sinh viên biết phân tích và tổng hợp các kiến thức, các hiện tượng Địa lí trên Trái Đất và trong từng khu vực nghiên cứu. Đây là học phần tiên quyết làm cơ sở để sinh viên có thể học các học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam.

## **22. Địa lý tự nhiên các lục địa (Mã HP: 31931184)**

Học phần bao gồm các kiến thức về các nhân tố hình thành tự nhiên, đặc điểm các hợp phần tự nhiên, dân cư và xã hội, các khu vực Địa lý tự nhiên của lục địa Á-Âu, Phi, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Úc và các đảo châu Đại Dương, lục địa Nam Cực.

## **23. Địa lý tự nhiên Việt Nam (Mã HP: 31931188)**

Học phần Địa lý tự nhiên Việt Nam với mục tiêu khái quát các điều kiện tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam. Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đặc điểm các thành phần của tự nhiên Việt Nam bao gồm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam, vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên ở Việt Nam và phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam.

## **24. Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 (Mã HP: 31921177)**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế- xã hội, về các khái niệm cơ bản, quy luật chung và bức tranh toàn cảnh trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường cũng như về địa lí dân cư và quần cư và những khía cạnh địa lí xã hội có liên quan như: di cư, đô thị hóa,....

## **25. Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 (Mã HP: 31921178)**

Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành sư phạm Địa lí. Đây là học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về những vấn đề chung của nền kinh tế; về vai trò, đặc điểm phân bố và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố và về tổ chức lãnh thổ các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ....

## **26. Địa lí kinh tế - xã hội thế giới (Mã HP: 31931141)**

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Địa lí học giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ chính trị thế giới, sự phân bố không gian và một số đặc điểm chính của một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới, các nhân tố thúc đẩy, một số vấn đề ảnh hưởng để sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đặc điểm địa lí kinh tế, dân cư, xã hội, du lịch của thế giới, châu lục và một số

quốc gia tiêu biểu nhằm giúp sinh viên hình thành được hệ thống kiến thức về kinh tế - xã hội và du lịch trên thế giới phục vụ cho nghề nghiệp du lịch, nghiên cứu, dạy học và học tập suốt đời.

### **27. Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (Mã HP: 31931181)**

Học phần Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật có hệ thống về các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam gồm: lãnh thổ - tài nguyên - môi trường; địa lý dân cư. Cập nhật tổng hợp và có hệ thống những kiến thức về sự phát triển của các ngành kinh tế Việt Nam gồm: nông - lâm - ngư, công nghiệp, dịch vụ và một số vấn đề về tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế của Việt Nam. Môn học này giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay, hiểu được thế mạnh, con đường phát triển kinh tế, cũng như những khó khăn, thách thức trong phát triển các ngành kinh tế cũng như các vùng kinh tế.

### **28. Tổng quan du lịch (Mã HP: 31921912)**

Học phần Tổng quan du lịch giới thiệu với người học những nội dung về lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò và các phương pháp nghiên cứu của du lịch. Cung cấp cho người học những hiểu biết về khái niệm, những nguyên lý, nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch; Tài nguyên du lịch; Thị trường và kinh tế du lịch; Thống kê du lịch và du lịch bền vững.

### **29. Tài nguyên du lịch (Mã HP: 31821708)**

Tài nguyên du lịch là học phần bắt buộc của ngành Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tài nguyên du lịch, cụ thể là những vấn đề chung; đặc điểm và phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch, tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và tìm hiểu một số tài nguyên du lịch ở Việt Nam. Đây là cơ sở để người học có thể học tập tốt những học phần chuyên tiếp tiếp theo và là cơ sở để làm tốt công việc nghề nghiệp và nghiên cứu liên quan đến tài nguyên du lịch.

### **30. Kinh tế du lịch (Mã HP:31831366)**

Môn kinh tế du lịch là môn học tiếp nối các học phần như Nhập môn khoa học du lịch, tài nguyên du lịch. Học phần này có mục tiêu là tiếp cận du lịch như một ngành kinh tế. Nội dung của học phần này xoay quanh các vấn đề như bản chất, đặc điểm và những tác động của du lịch, cung cầu và mối quan hệ cung cầu trong du lịch, tính thời vụ của du lịch, các hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh tế du lịch.....

### **31. Địa lý du lịch thế giới (Mã HP: 31931175)**

Môn học Địa lý du lịch thế giới cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về du lịch và các vùng du lịch trên thế giới cũng như địa lý du lịch của một số quốc gia. Bên cạnh đó còn cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động du lịch trên thế giới. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng vào các lĩnh vực liên quan đến việc làm cũng như nghiên cứu về du lịch và tăng cường năng lực hội nhập quốc tế.

### **32. Địa lí du lịch Việt Nam (Mã HP: 31931176)**

Môn học trình bày những vấn đề lí luận và thực tiễn về: đối tượng, nhiệm vụ của địa lí du lịch; những khái niệm cơ bản trong địa lí du lịch; những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch Việt Nam: thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và những xu hướng phát triển du lịch; sự phát triển tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam gồm các điểm, tuyến, vùng.

### **33. Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch (Mã HP: 31921599)**

Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản của phương pháp luận nghiên cứu khoa học: khái niệm, ý nghĩa và mục đích của nghiên cứu khoa học; Hệ thống các phương pháp nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lí du lịch; Cấu trúc và quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học Địa lí du lịch....

### **34. Marketing du lịch (Mã HP: 31821457)**

Marketing du lịch là môn học cung cấp các kiến thức marketing căn bản, trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing du lịch, những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những rủi ro trong quá trình marketing du lịch và những giải pháp nâng cao hiệu quả marketing du lịch. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

### **35. Quy hoạch du lịch (Mã HP: 31821661)**

Học phần Quy hoạch du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: điều kiện quy hoạch du lịch; nội dung điều tra, đánh giá thực trạng kinh doanh du lịch, cũng như xây dựng các định hướng và chiến lược phát triển trong quy hoạch phát triển du lịch; phân tích nhu cầu thị trường du

lịch; quy trình lập và thực thi các dự án quy hoạch du lịch; các tác động từ các dự án quy hoạch phát triển du lịch đến tài nguyên môi trường tự nhiên và kinh tế, xã hội.

### **36. Đánh giá tác động môi trường trong du lịch (Mã HP: 31931148)**

Học phần Đánh giá tác động môi trường trong du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: thủ tục và các bước tiến hành đánh giá tác động môi trường cho dự án phát triển du lịch; xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phát triển du lịch và giám sát các tác động môi trường; đánh giá môi trường chiến lược cho phát triển du lịch.

### **37. Phát triển du lịch bền vững (Mã HP: 31821551)**

Phát triển du lịch bền vững là môn học dành cho sinh viên chuyên ngành Địa lí du lịch. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

### **38. Du lịch sinh thái (Mã HP: 31921222)**

Học phần Du lịch sinh thái là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức Chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức về: cơ sở lý luận về du lịch sinh thái; tiềm năng và hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam; công tác quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; đánh giá tác động môi trường một khu hay một tour du lịch sinh thái; hướng dẫn viên du lịch sinh thái.

### **39. Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch (Mã HP: 31821484)**

Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch là học phần nằm trong hệ thống kiến thức dành cho sinh viên ngành cử nhân Địa lí du lịch. Học phần gồm 2 phần: Lý luận cơ bản về giao tiếp và giao tiếp trong kinh doanh du lịch, trình bày các kiến thức cơ bản như khái niệm, phương tiện giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp cơ bản, các phong cách giao tiếp và một số kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch.

### **40. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch (Mã HP: 31921929)**

Học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tin học cần thiết về các kiến thức chuyên sâu về bộ công cụ Microsoft Office, Google, Canva, Decor Market để sinh viên có thể sử dụng chúng như một công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tất các môn học khác cũng như khi đi làm. Sinh viên có kiến thức tổng quan về các ứng dụng của tin học vào trong ngành du lịch, các hệ thống thông tin khách sạn – nhà hàng và cài đặt thử một số phần mềm thiết kế quảng cáo và quản lý công ty du lịch.

#### **41. Du lịch biển đảo Việt Nam (Mã HP: 31921219)**

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch biển đảo của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Tổng quan về du lịch biển đảo Việt Nam; đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển đảo phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam, phát triển du lịch biển đảo ở Việt Nam.

#### **42. Nghiệp vụ khách sạn (Mã HP: 31831488)**

Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến nhận đặt buồng, đón tiếp và làm thủ tục đăng ký khách sạn, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, làm thủ tục thanh toán và tiễn khách. Các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến các phương pháp phục vụ trong bữa ăn.

#### **43. Du lịch tôn giáo tín ngưỡng (Mã HP: 31921223)**

Học phần này bao gồm những nội dung chính sau đây: Trình bày khái niệm về tôn giáo, tín ngưỡng. Đi sâu vào một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam. Trình bày các tôn giáo chính ở Việt Nam hiện nay, gồm một số tôn giáo ngoại nhập và một số tôn giáo bản địa... Trình bày một số đặc điểm chính trong tình hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, đề cập đến quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo (cụ thể là chính sách đối với tín đồ; đối với chức sắc, nhà tu hành tôn giáo; đối với tổ chức tôn giáo; đối với các hoạt động tôn giáo; đối với nơi thờ tự và tài sản của tổ chức tôn giáo; đối với hoạt động đối ngoại của các tổ chức tôn giáo).

#### **44. Tổ chức sự kiện du lịch (Mã HP: 31931617)**

Học phần Tổ chức sự kiện du lịch là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ. Nội dung học phần gồm những nội dung chính sau: Đối tượng, quan điểm, phương pháp nghiên cứu môn học; dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện; đặc điểm của



hoạt động tổ chức sự kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện; các loại hình sự kiện; tác động của sự kiện đến môi trường, chính trị, kinh tế, du lịch và văn hóa xã hội; quy trình thực hiện sự kiện và quản lý rủi ro sự kiện.

#### **45. Tuyển điểm du lịch Việt Nam (Mã HP: 31931924)**

Những kiến thức tổng quan về các tuyến điểm du lịch; Các điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch và kết cấu hạ tầng của Việt Nam; Học phần cũng đi sâu phân tích các điều kiện, loại hình du lịch và hiện trạng khai thác các tuyến điểm du lịch của 7 vùng du lịch ở nước ta.

#### **46. Quản trị kinh doanh lữ hành (Mã HP: 31831657)**

Quản trị kinh doanh lữ hành là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành ĐLH. Mục đích chính của môn học là trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kinh doanh lữ hành và hình thành kỹ năng quản lý, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp lữ hành. Thông qua các hoạt động, bài tập được giao, sinh viên còn có cơ hội phát triển các kỹ năng về thuyết trình, báo cáo, hoạt động nhóm. Học phần này còn bổ trợ kiến thức cho các học liên quan đến du lịch như Nghiệp vụ điều hành chương trình du lịch, Quản trị nhân sự du lịch, Thị trường du lịch...

#### **47. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (Mã HP: 31841487)**

Hướng dẫn nghiệp vụ du lịch là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương pháp tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng dẫn du lịch (tổ chức gặp mặt đón đoàn, bố trí lưu trú, ăn uống, tham quan...), phương pháp nghiên cứu để hiểu tâm lý, nhu cầu của khách du lịch. Từ đó phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách du lịch trong quá trình du lịch.

#### **48. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (Mã HP: 31931754)**

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về các sản phẩm, loại hình du lịch, hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức chương trình du lịch. Phương pháp định giá chương trình du lịch, marketing và bán sản phẩm, công tác tổ chức thực hiện chương trình du. Các nội dung của công tác điều hành chương trình du lịch và biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác điều hành.

#### **49. Thực địa Địa lí du lịch (Mã HP: 31921775)**

Nội dung chính của học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức trên thực tế về các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn tại một số khu vực tiêu biểu của Việt Nam. Sinh viên sẽ nhận biết được thực trạng phát triển của các tuyến du lịch, điểm

du lịch và bước đầu tìm hiểu được cách thức tiến hành xác định và xây dựng các tuyến điểm du lịch và những việc cần phải làm trên thực tiễn. Giáo dục cho sinh viên lòng yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trước yêu cầu đổi mới của đất nước,....

#### **50. Thực tập nghề nghiệp du lịch (Mã HP: 31931839)**

Thực tập nghề nghiệp du lịch là học phần bắt buộc của chuyên ngành Địa lí du lịch. Học phần kiến tập là kỳ thực tập đầu tiên của sinh viên, được tổ chức khi sinh viên đã có những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành cơ bản. Học phần này giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về môi trường làm việc, lĩnh vực/ngành nghề mình đang theo học; hình thành nền tảng cho tác phong, quy cách làm việc và các kỹ năng làm việc cơ bản; tạo tiền đề xây dựng các mối quan hệ trong công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng đồng thời góp phần định hướng nghề nghiệp, định hướng kế hoạch học tập và phát triển bản thân trong suốt thời gian theo học chuyên ngành.

#### **51. Thực tập tốt nghiệp (Mã HP: 30331847)**

Thực tập tốt nghiệp là học phần chuyên ngành Địa lí học nhằm tạo điều kiện giúp sinh viên làm việc tại các cơ sở thực tập (lữ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, tổ chức sự kiện) để rèn luyện nâng cao hoạt động nghề nghiệp thông qua các hoạt động nghề nghiệp cụ thể. Sinh viên được thực tập tìm hiểu hoạt động nghề nghiệp tại công ty, doanh nghiệp, các ban ngành liên quan nhằm vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.

#### **52. Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam (Mã HP: 31921406)**

Học phần cung cấp cho người học quá trình hình thành và mở rộng lãnh thổ Việt Nam trên đất liền qua các thời kì, trong đó nhấn mạnh đến quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam; hệ thống lí luận về lãnh thổ, về biển đảo; quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

#### **53. Địa danh học và Địa danh Việt Nam (Mã HP: 31921169)**

Môn học Địa danh học và Địa danh Việt Nam là khoa học nghiên cứu về địa danh, bao gồm nguồn gốc, ý nghĩa, sử dụng và phân loại chúng. Cụ thể địa danh là tên gọi của các đối tượng trong tự nhiên, các công trình xây dựng, đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ gắn với đời sống con người, từ đó áp dụng để giải thích về nguồn gốc, ý nghĩa và tên gọi của địa danh Việt Nam.. Hiện nay, địa danh là đối tượng quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học....

#### **54. Văn hoá ẩm thực Việt Nam (Mã HP: 31921940)**

Văn hóa ẩm thực Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát và bức tranh toàn cảnh của văn hóa ẩm thực Việt Nam, từ những vấn đề lí luận chung đến những hiện tượng văn hóa ẩm thực cụ thể.

Môn học gồm 4 chương chính: (1) Dẫn luận văn hóa ẩm thực; (2) Đặc điểm văn hóa ẩm thực Việt Nam, (3) Văn hóa ẩm thực vùng miền Việt Nam, (4) Văn hóa ẩm thực Việt Nam trong giao lưu, hội nhập thế giới.

#### **55. Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam (Mã HP: 31921560)**

Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về phong tục tập quán và những phong tục tập quán tiêu biểu của Việt Nam như phong tục cưới xin, ma chay, lễ hội và lễ tết...

#### **56. Luật du lịch (Mã HP: 31921431)**

Luật du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hệ thống quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến các địa phương; Những nội dung của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hiện nay.

Học phần còn sử dụng nhiều bài tập tình huống liên quan đến các lĩnh vực du lịch, giúp sinh viên chủ động, biết cách xử lý các khiếu nại, khiếu kiện có liên quan đến lĩnh vực du lịch.

#### **57. Hệ thống bảo tàng và di tích Việt Nam (Mã HP: 31921285)**

Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam có hai khối kiến thức cơ bản là Bảo tàng học và Di tích học nhằm trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan và xuyên suốt về quá trình hình thành và phát triển của ngành bảo tàng học nói chung và hiện trạng bảo tàng, di tích ở Việt Nam.

#### **58. Du lịch văn hóa (Mã HP: 31921224)**

Học phần Du lịch văn hóa giúp người học nắm vững các kiến thức về du lịch văn hóa, kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của tài nguyên du lịch văn hóa thực trạng và xu thế phát triển du lịch văn hóa Việt Nam nhằm giúp sinh viên hệ thống kiến thức về du lịch văn hóa phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp du lịch, nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

#### **59. Tổng quan ngành lưu trú (Mã HP: 31921913)**

Học phần này bao gồm những nội dung bao gồm những khái niệm cơ bản, các đặc điểm và xu hướng phát triển cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngành lưu trú. Học phần đi sâu vào phân tích những đặc trưng của các loại

hình cơ sở lưu trú ở Việt Nam như khách sạn, làng du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch... và vấn đề xếp hạng cơ sở lưu trú. Tập trung vào làm rõ các sản phẩm lưu trú và hoạt động kinh doanh sản phẩm lưu trú và trình bày một số vấn đề về tổ chức doanh nghiệp và quản lý nhà nước ngành lưu trú.

### **60. Thanh toán quốc tế (Mã HP: 31821740)**

Học phần Thanh toán quốc tế là một trong những học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến thanh toán quốc tế bao gồm hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các điều kiện thanh toán quốc tế và vận dụng những kiến thức đã học để phân tích được vai trò của thanh toán quốc tế trong du lịch.

### **61. Thực địa tuyến điểm du lịch (Mã HP: 31921692)**

Học phần tuyến điểm du lịch bao gồm những nội dung chính liên quan đến lập kế hoạch tuyến điểm du lịch, bao gồm cách lập kế hoạch cho một tuyến điểm du lịch từ việc chọn điểm đến, xác định thứ tự các điểm dừng chân, xác định thời gian dành cho mỗi điểm, và tạo ra một lịch trình hoàn chỉnh. Nắm vững thông tin địa điểm, tập trung vào cách thu thập và nắm vững thông tin về các điểm du lịch trên tuyến, bao gồm lịch sử, văn hóa, kiến thức về điểm đến, các hoạt động và thắng cảnh địa phương.

### **62. Bản đồ học chuyên đề (Mã HP: 31931021)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản đồ chuyên đề, bản đồ chuyên đề du lịch, phân loại và đặc điểm một số loại bản đồ du lịch, những nguyên tắc thành lập và sử dụng bản đồ du lịch nhằm giúp cho sinh viên sử dụng được các loại bản đồ du lịch trong quá trình học tập và thực tế.

### **63. Du lịch làng nghề (Mã HP: 31821221)**

Du lịch làng nghề luôn gắn với sự tồn tại và phát triển của các làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam. Học phần nay trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về làng nghề và du lịch làng nghề; tiềm năng phát triển du lịch làng nghề Việt Nam; hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển du lịch làng nghề Việt Nam.

### **64. Du lịch cộng đồng – Homestay (Mã HP: 31931220)**

Học phần DLCĐ và Homestay nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho

sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCD, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCD và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

#### **65. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch (Mã HP: 31921867)**

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành du lịch cung cấp cho người học những khái niệm, thuật ngữ đặc thù về ngành du lịch bằng tiếng Anh bằng những bài học được xây dựng theo chủ đề liên quan đến khoa học về du lịch, nhằm giúp cho người học có khả năng đọc hiểu được tài liệu du lịch và phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

#### **66. Khóa luận tốt nghiệp (Mã HP: 30361338)**

Trong thời gian tiến hành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải thu thập đầy đủ và chi tiết các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu; đồng thời phải có đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài: Địa lí du lịch, địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và ứng dụng GIS - viễn thám trong du lịch.

### **PHẦN V: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

**TRƯỜNG KHOA**



**TS. Trương Phước Minh**



**PGS. TS. Lưu Trang**